

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 345/TTr-UBND

Tây Ninh, ngày 28 tháng 02 năm 2019

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển
thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng
công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh
Tây Ninh giai đoạn 2019 - 2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 26/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của ngân hàng nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp;

Thực hiện Chương trình số 07-CTr/TU ngày 22/12/2016 của Tỉnh ủy Tây Ninh về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu lại nông nghiệp;

Thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh năm 2019;

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025, với các nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội XII của Đảng; Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2015-2020; Chương trình 07-CTr/TU ngày 22/12/2016 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với cơ cấu lại nông nghiệp; Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại nông nghiệp tỉnh Tây Ninh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Hiện nay, chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 27/9/2017 và Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh, đã hướng dẫn cho khoảng 10 đối tượng quy định lập dự án đầu tư; nhưng đến cuối năm 2018 có 03 nhà đầu tư nộp hồ sơ *(hiện nay chưa thẩm định do đang điều chỉnh chính sách theo hướng có lợi cho nhà đầu tư nên các nhà đầu tư đã đồng ý chờ hưởng theo chính sách mới)*.

Tuy nhiên, do một số quy định của chính sách không còn phù hợp với tình hình thực tế như: quy mô đầu tư dự án lớn, mức hỗ trợ lãi vay thấp, thời gian hỗ trợ ngắn, nhà đầu tư phải thực hiện nhiều thủ tục hành chính trước khi trình thẩm định như: xác nhận xã, huyện, Ngân hàng thương mại cho vay về giải ngân kinh phí cho vay và đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gặp rất rủi ro; đồng thời có sự thay đổi về một số chính sách do Chính phủ đã ban hành (Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp) nên qua một năm triển khai, chính sách chưa khuyến khích được nhiều nhà đầu tư tham gia dự án để đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ theo mục tiêu đề ra.

Từ những vấn đề nêu trên và bất cập trong quá trình triển khai thực hiện nên cần thiết xây dựng chính sách hỗ trợ lãi vay mới theo hướng giảm quy mô, tăng mức hỗ trợ, tăng thời gian hỗ trợ, giảm bớt thủ tục hành chính nhằm thu hút các nhà đầu tư thực hiện các dự án với quy mô vừa và nhỏ phù hợp với tình hình thực tế địa phương, với các hình thức liên kết trong sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

Theo đó, cần thiết xây dựng Nghị quyết hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019 - 2025.

II. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Quan điểm

Thúc đẩy phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp nhằm chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện, hiện đại, có năng suất, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến hướng đến thị trường tiêu thụ nội địa và xuất khẩu; gắn phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp và xây dựng nông thôn mới; từng bước hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tăng giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đất, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững;

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phù hợp với chủ trương, chiến lược phát triển nông nghiệp của ngành, của địa phương để có những bước đi thích hợp và lựa chọn một số cây trồng chủ lực (nhất là cây ăn trái) vật nuôi thế mạnh đầu tư hỗ trợ tạo ra những sản phẩm nông nghiệp hàng hóa có năng suất, chất lượng an toàn và khả năng cạnh tranh cao;

Sử dụng các nguồn lực địa phương có hiệu quả; đồng thời tiếp thu có chọn lọc những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao trong nước và ngoài nước để áp dụng vào sản xuất nông nghiệp theo điều kiện thực tế của từng địa phương để phát triển thực hành nông nghiệp tốt theo hướng bền vững.

2. Mục tiêu

Xây dựng chính sách hỗ trợ lãi vay nhằm khuyến khích tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư tiếp cận nguồn vốn vay thực hiện đầu tư các dự án phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Tạo ra những sản phẩm an toàn, có chất lượng, hiệu quả cao và bảo đảm môi trường sinh thái;

Khai thác hợp lý và có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên; đồng thời tận dụng tối đa lợi thế của địa phương về vị trí địa lý và thị trường tiêu thụ, kết hợp với việc sơ chế, chế biến và bảo quản nhằm nâng cao giá trị sản phẩm thúc đẩy nền nông nghiệp tỉnh Tây Ninh phát triển theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện nhanh đời sống nông dân;

Hình thành các vùng nguyên liệu sản xuất hàng hóa như: Các loại rau, củ, quả; cây ăn trái; chăn nuôi và thủy sản theo hướng tập trung có chất lượng cao bảo đảm tiêu chuẩn quy định phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu;

Thúc đẩy nhanh sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao góp phần tạo giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân đạt 100 triệu đồng/ha; có ít nhất 40% sản lượng nông sản, thực phẩm (bao gồm rau, củ, quả, trái cây) được sản xuất theo quy trình VietGAP, GlobalGAP, nông nghiệp hữu cơ có thể truy xuất nguồn gốc được và tỷ trọng giá trị nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỷ trọng đạt 30% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

III. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Chính sách này quy định mức hỗ trợ lãi vay thực hiện các Dự án đầu tư phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nông nghiệp hữu cơ; công nghệ sơ chế, bảo quản và chế biến các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

Pháp nhân và cá nhân (sau đây gọi chung là Nhà đầu tư) có nhu cầu vay vốn để thực hiện dự án sản xuất kinh doanh thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nông nghiệp hữu cơ; công nghệ sơ chế, bảo quản và chế biến các sản phẩm nông nghiệp theo quy định.

IV. NGUYÊN TẮC VÀ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Đối với Dự án đầu tư đáp ứng đủ các điều kiện thụ hưởng nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thì Nhà đầu tư chỉ được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất;

b) Nhà đầu tư chỉ được áp dụng chính sách hỗ trợ lãi vay 01 lần/Dự án trong chu kỳ 10 năm (tính từ ngày hưởng chính sách hỗ trợ lãi vay theo quy định) để đầu tư phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nông nghiệp hữu cơ;

c) Trường hợp Dự án có thay đổi về quy mô, công nghệ sau khi đã được áp dụng chính sách hỗ trợ lãi vay làm thay đổi quy mô Dự án thì Chủ đầu tư phải có đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh nội dung và mức hỗ trợ Dự án;

d) Thời gian hỗ trợ lãi vay được thực hiện vào Quý I năm tiếp theo, trên cơ sở chứng từ thu lãi vay thuộc Dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt của các Chi nhánh Ngân hàng thương mại trong năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ chi khoản hỗ trợ lãi vay theo quy định trực tiếp cho Nhà đầu tư.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng vay vốn có Dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt mức hỗ trợ lãi vay;

b) Có hợp đồng vay vốn thực hiện Dự án đầu tư phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nông nghiệp hữu cơ; sơ chế, bảo quản và chế biến các sản phẩm nông nghiệp đã được giải ngân tại các chi nhánh Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; việc hỗ trợ lãi vay chỉ thực hiện đối với khoản vay trả nợ đúng hạn, những khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn sẽ không được hỗ trợ kể từ thời điểm phát sinh nợ xấu;

c) Đối với Dự án thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ được hỗ trợ 50% mức hỗ trợ lãi vay sau khi được ngân hàng thương mại giải ngân;

nếu hết thời gian quy định hưởng hỗ trợ lãi vay, sản phẩm của Dự án được cấp giấy chứng nhận VietGAP, VietGAHP, GlobalGAP và hữu cơ theo quy định thì được hỗ trợ 50% mức hỗ trợ lãi vay còn lại. Trường hợp hết thời gian quy định được hỗ trợ lãi vay nhưng chưa được cấp chứng nhận theo quy định thì ngưng việc hỗ trợ 50% mức hỗ trợ lãi vay còn lại; trong quá trình sản xuất không được cơ quan chức năng chứng nhận sản phẩm của Dự án đạt tiêu chuẩn VietGAP, VietGAHP, GlobalGAP và hữu cơ mà không chứng minh được việc thực hiện để chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn trên thì thu hồi phần đã hỗ trợ;

d) Đối với Dự án đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao khi có biên bản nghiệm thu nội dung, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Dự án được phê duyệt được hỗ trợ 100% mức hỗ trợ lãi vay theo quy định;

đ) Đối với Dự án sơ chế, bảo quản và chế biến sản phẩm nông nghiệp khi có biên bản nghiệm thu nội dung, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Dự án được phê duyệt và đạt tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định được hỗ trợ 100% mức hỗ trợ lãi vay.

V. MỨC TRẦN VỐN VAY ĐƯỢC HỖ TRỢ

1. Đối với pháp nhân: Mức trần vốn vay được hỗ trợ lãi vay không vượt quá 20 tỷ đồng/Dự án.

2. Đối với cá nhân: Mức trần vốn vay được hỗ trợ lãi vay không vượt quá 10 tỷ đồng/Dự án.

VI. NỘI DUNG, MỨC HỖ TRỢ

1. Các Dự án đầu tư phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt

a) Nhóm Dự án lĩnh vực trồng trọt

Sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, an toàn và hiệu quả cao, đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP như: Các loại rau, củ, quả, cây ăn trái.

Quy mô dự án đầu tư: Diện tích tối thiểu 05 ha (nhà đầu tư có thể hợp tác, liên kết để đạt diện tích 05 ha) hoặc có giá trị đầu tư tối thiểu từ 01 tỷ đồng/Dự án trở lên;

b) Nhóm Dự án lĩnh vực chăn nuôi và thủy sản

Chăn nuôi bò thịt, bò sữa; thủy sản nuôi tôm càng xanh, các loại cá bản địa mà địa phương có thể mạnh áp dụng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAHP, GlobalGAP).

Quy mô đầu tư: Dự án chăn nuôi bò thịt 150 con/năm trở lên, bò sữa có quy mô đàn 10 con trở lên đạt tiêu chuẩn VietGAHP; Dự án nuôi thủy sản diện tích mặt nước từ 02 ha trở lên hoặc các Dự án trên có giá trị đầu tư tối thiểu 01 tỷ đồng/Dự án trở lên;

c) Mức hỗ trợ lãi vay và thời gian hỗ trợ

Mức hỗ trợ lãi vay là 5%/năm trên số vốn vay theo quy định tại Mục V; thời gian hỗ trợ không quá 5 năm.

2. Các Dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

a) Nhóm Dự án công nghệ sinh học

Sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp: Phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh; thuốc bảo vệ thực vật, thuốc điều hòa sinh trưởng, chế phẩm xử lý môi trường có nguồn gốc sinh học;

Lai tạo giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản có ứng dụng các kỹ thuật sinh học phân tử để tạo ra các giống cây, con mới có các đặc tính ưu việt (năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng kháng bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu);

Ứng dụng công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào, đột biến phóng xạ đối với cây trồng, vật nuôi và công nghệ tế bào động vật trong đông lạnh tinh, phối và cấy chuyển hợp tử, phân biệt giới tính, thụ tinh ống nghiệm sản xuất giống vật nuôi phù hợp điều kiện của tỉnh;

Sản xuất vắc-xin thú y để phòng bệnh cho vật nuôi;

Sản xuất giống cây trồng (sản xuất hạt giống lai hoặc giống cây mô hoặc chiết, ghép, giâm cành nhân nhanh giống) có năng suất, chất lượng cao phù hợp nhu cầu phát triển nông nghiệp địa phương, đạt tiêu chuẩn theo quy định;

Ứng dụng công nghệ vi sinh, enzym và protein ứng dụng sản xuất quy mô công nghiệp các chế phẩm sinh học dùng trong dinh dưỡng, bảo vệ cây trồng, vật nuôi;

Công nghệ sinh học (nghiên cứu thiên địch) trong quản lý và phòng trừ dịch sâu, bệnh hại cây trồng nông lâm nghiệp; sinh học phân tử và miễn dịch học, vi sinh vật học trong phòng, trị một số loại dịch bệnh nguy hiểm đối với thủy sản.

Quy mô đầu tư Dự án có giá trị đầu tư tối thiểu 01 tỷ đồng/Dự án trở lên;

b) Nhóm Dự án công nghệ tự động hóa, cơ giới hoá

Cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất, thu hoạch, chế biến và bảo quản sau thu hoạch các loại rau, củ, quả, cây ăn trái;

Tự động hóa trong tưới tiêu, kết hợp dinh dưỡng trong canh tác rau quả, hoa, nấm ăn, nấm dược liệu trong nhà kính, nhà màng;

Tự động hóa, bán tự động trong quá trình nuôi thủy sản, trồng trọt.

Quy mô đầu tư Dự án có giá trị đầu tư tối thiểu 01 tỷ đồng/Dự án trở lên;

c) Nhóm dự án kỹ thuật canh tác, nuôi trồng

Ứng dụng kỹ thuật canh tác (không dùng đất): Thủy canh, khí canh, trồng cây trên giá thể, màng dinh dưỡng; công nghệ tưới phun, tưới nhỏ giọt có hệ thống điều khiển tự động, bán tự động; công nghệ nhà kính, nhà lưới, nhà màng có hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động; công nghệ nuôi thâm canh, nuôi siêu thâm canh thủy sản;

Nhân giống và sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu trong nhà màng, nhà kính có hệ thống điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm và ánh sáng thích hợp;

Sản xuất các loại rau, quả, hoa lan, trong nhà lưới, nhà màng, nhà kính áp dụng công nghệ thủy canh hoặc tưới nước tiết kiệm, điều tiết tự động dinh dưỡng, ánh sáng;

Chuyển đổi cây trồng kém hiệu quả sang sản xuất cây ăn trái;

Chăn nuôi bò thịt, bò sữa; thủy sản nuôi tôm càng xanh, các loại cá bản địa mà địa phương có thể mạnh đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm theo quy định.

Quy mô đầu tư Dự án có giá trị đầu tư tối thiểu 01 tỷ đồng/dự án trở lên;

d) Nhóm Dự án lĩnh vực sơ chế, bảo quản và chế biến

Sơ chế, bảo quản và chế biến các loại rau, củ, quả; cây ăn trái bảo đảm đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm theo các quy định hiện hành.

Quy mô đầu tư Dự án: Có giá trị đầu tư tối thiểu 01 tỷ đồng/Dự án trở lên;

đ) Mức hỗ trợ lãi vay và thời gian hỗ trợ

Mức hỗ trợ lãi vay là 5%/năm trên số vốn vay theo quy định tại Mục V; thời gian hỗ trợ không quá 5 năm.

3. Các Dự án nông nghiệp hữu cơ

a) Nhóm Dự án lĩnh vực trồng trọt

Sản xuất các nông sản nông nghiệp hữu cơ đạt tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế.

Quy mô Dự án đầu tư: Dự án nông nghiệp hữu cơ diện tích từ 01 ha trở lên hoặc có giá trị đầu tư 01 tỷ đồng trở lên/Dự án;

b) Nhóm Dự án lĩnh vực chăn nuôi và thủy sản

Khuyến khích phát triển chăn nuôi bò thịt, bò sữa, heo, gia cầm (gà thịt lông màu); thủy sản nuôi tôm càng xanh, các loại cá bản địa mà địa phương có thể mạnh đạt tiêu chuẩn hữu cơ.

Quy mô Dự án đầu tư: Dự án chăn nuôi heo thịt 250 con/năm trở lên; bò thịt 50 con/năm trở lên; bò sữa có quy mô đàn 10 con trở lên; gà thịt lông màu 5.000 con/lứa trở lên; Dự án nuôi trồng thủy sản diện tích mặt nước từ 01 ha trở lên hoặc các Dự án trên có giá trị đầu tư tối thiểu 01 tỷ đồng/Dự án trở lên;

c) Mức hỗ trợ lãi vay và thời gian hỗ trợ

Mức hỗ trợ lãi vay: Hỗ trợ 100% lãi vay trên số vốn vay theo quy định tại Mục V, thời gian hỗ trợ không quá 5 năm.

VII. DỰ KIẾN VỐN VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Vốn: Bố trí hàng năm 5 -10 tỷ đồng/năm, kể từ năm thứ 2 trở đi ngoài bố trí vốn hàng năm bố trí thêm vốn để thanh toán hỗ trợ lãi vay cho năm trước: Tổng vốn thực hiện chính sách trong giai đoạn 2019-2025 khoảng 100-200 tỷ đồng.

2. Nguồn vốn thực hiện: Vốn sự nghiệp từ ngân sách tỉnh.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết và các hồ sơ liên quan)

Trên đây là Tờ trình về việc ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận: *lg*

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở NNPTNT;
- LĐVP; KTTC;
- Lưu: VT VP.

(Dương Thiệu 2019 6. TRÌNH HEND)

(

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.



Trần Văn Chiến

Số: /2019/NQ-HĐND

Tây Ninh, ngày tháng năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt,
nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025**

DỰ THẢO 8

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

KHÓA KỲ HỌP THỨ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Thông nhất thông qua chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025, cụ thể như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Chính sách này quy định mức hỗ trợ lãi vay thực hiện các Dự án đầu tư phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nông nghiệp hữu cơ; công nghệ sơ chế, bảo quản và chế biến các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

Pháp nhân và cá nhân (sau đây gọi chung là Nhà đầu tư) có nhu cầu vay vốn để thực hiện dự án sản xuất kinh doanh thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nông nghiệp hữu cơ; công nghệ sơ chế, bảo quản và chế biến các sản phẩm nông nghiệp theo quy định.

Điều 2. Nguyên tắc và điều kiện hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Đối với Dự án đầu tư đáp ứng đủ các điều kiện thụ hưởng nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thì Nhà đầu tư chỉ được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất;

b) Nhà đầu tư chỉ được áp dụng chính sách hỗ trợ lãi vay 01 lần/Dự án trong chu kỳ 10 năm (tính từ ngày hưởng chính sách hỗ trợ lãi vay theo quy định) để đầu tư phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nông nghiệp hữu cơ;

c) Trường hợp Dự án có thay đổi về quy mô, công nghệ sau khi đã được áp dụng chính sách hỗ trợ lãi vay làm thay đổi quy mô Dự án thì Chủ đầu tư phải có đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh nội dung và mức hỗ trợ Dự án;

d) Thời gian hỗ trợ lãi vay được thực hiện vào Quý I năm tiếp theo, trên cơ sở chứng từ thu lãi vay thuộc Dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt của các Chi nhánh Ngân hàng thương mại trong năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ chi khoản hỗ trợ lãi vay theo quy định trực tiếp cho Nhà đầu tư.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng vay vốn có Dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt mức hỗ trợ lãi vay;

b) Có hợp đồng vay vốn thực hiện Dự án đầu tư phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nông nghiệp hữu cơ; sơ chế, bảo quản và chế biến các sản phẩm nông nghiệp đã được giải ngân tại các chi nhánh Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; việc hỗ trợ lãi vay chỉ thực hiện

đối với khoản vay trả nợ đúng hạn, những khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn sẽ không được hỗ trợ kể từ thời điểm phát sinh nợ xấu;

c) Đối với Dự án thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ được hỗ trợ 50% mức hỗ trợ lãi vay sau khi được ngân hàng thương mại giải ngân; nếu hết thời gian quy định hưởng hỗ trợ lãi vay, sản phẩm của Dự án được cấp giấy chứng nhận VietGAP, VietGAHP, GlobalGAP và hữu cơ theo quy định thì được hỗ trợ 50% mức hỗ trợ lãi vay còn lại. Trường hợp hết thời gian quy định được hỗ trợ lãi vay nhưng chưa được cấp chứng nhận theo quy định thì ngưng việc hỗ trợ 50% mức hỗ trợ lãi vay còn lại; trong quá trình sản xuất không được cơ quan chức năng chứng nhận sản phẩm của Dự án đạt tiêu chuẩn VietGAP, VietGAHP, GlobalGAP và hữu cơ mà không chứng minh được việc thực hiện để chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn trên thì thu hồi phần đã hỗ trợ;

d) Đối với Dự án đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao khi có biên bản nghiệm thu nội dung, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Dự án được phê duyệt được hỗ trợ 100% mức hỗ trợ lãi vay theo quy định;

đ) Đối với Dự án sơ chế, bảo quản và chế biến sản phẩm nông nghiệp khi có biên bản nghiệm thu nội dung, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Dự án được phê duyệt và đạt tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định được hỗ trợ 100% mức hỗ trợ lãi vay.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Mức trần vốn vay được hỗ trợ

1. Đối với pháp nhân: Mức trần vốn vay được hỗ trợ lãi vay không vượt quá 20 tỷ đồng/Dự án.

2. Đối với cá nhân: Mức trần vốn vay được hỗ trợ lãi vay không vượt quá 10 tỷ đồng/Dự án.

Điều 4. Nội dung, mức hỗ trợ

1. Các Dự án đầu tư phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt

a) Nhóm Dự án lĩnh vực trồng trọt

Sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, an toàn và hiệu quả cao, đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP như: Các loại rau, củ, quả, cây ăn trái.

Quy mô dự án đầu tư: Diện tích tối thiểu 05 ha (nhà đầu tư có thể hợp tác, liên kết để đạt diện tích 05 ha) hoặc có giá trị đầu tư tối thiểu từ 01 tỷ đồng/Dự án trở lên;

b) Nhóm Dự án lĩnh vực chăn nuôi và thủy sản

Chăn nuôi bò thịt, bò sữa; thủy sản nuôi tôm càng xanh, các loại cá bản địa mà địa phương có thể mạnh áp dụng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAHP, GlobalGAP).

Quy mô đầu tư: Dự án chăn nuôi bò thịt 150 con/năm trở lên, bò sữa có quy mô đàn 10 con trở lên đạt tiêu chuẩn VietGAHP; Dự án nuôi thủy sản diện tích mặt nước từ 02 ha trở lên hoặc các Dự án trên có giá trị đầu tư tối thiểu 01 tỷ đồng/Dự án trở lên;

c) Mức hỗ trợ lãi vay và thời gian hỗ trợ

Mức hỗ trợ lãi vay là 5%/năm trên số vốn vay theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này; thời gian hỗ trợ không quá 5 năm.

2. Các Dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

a) Nhóm Dự án công nghệ sinh học

Sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp: Phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh; thuốc bảo vệ thực vật, thuốc điều hòa sinh trưởng, chế phẩm xử lý môi trường có nguồn gốc sinh học;

Lai tạo giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản có ứng dụng các kỹ thuật sinh học phân tử để tạo ra các giống cây, con mới có các đặc tính ưu việt (năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng kháng bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu);

Ứng dụng công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào, đột biến phóng xạ đối với cây trồng, vật nuôi và công nghệ tế bào động vật trong đông lạnh tinh, phôi và cấy chuyển hợp tử, phân biệt giới tính, thụ tinh ống nghiệm sản xuất giống vật nuôi phù hợp điều kiện của tỉnh;

Sản xuất vắc-xin thú y để phòng bệnh cho vật nuôi;

Sản xuất giống cây trồng (sản xuất hạt giống lai hoặc giống cây mô hoặc chiết, ghép, giâm cành nhân nhanh giống) có năng suất, chất lượng cao phù hợp nhu cầu phát triển nông nghiệp địa phương, đạt tiêu chuẩn theo quy định;

Ứng dụng công nghệ vi sinh, enzym và protein ứng dụng sản xuất quy mô công nghiệp các chế phẩm sinh học dùng trong dinh dưỡng, bảo vệ cây trồng, vật nuôi;

Công nghệ sinh học (nghiên cứu thiên địch) trong quản lý và phòng trừ dịch sâu, bệnh hại cây trồng nông lâm nghiệp; sinh học phân tử và miễn dịch học, vi sinh vật học trong phòng, trị một số loại dịch bệnh nguy hiểm đối với thủy sản.

Quy mô đầu tư Dự án có giá trị đầu tư tối thiểu 01 tỷ đồng/Dự án trở lên;

b) Nhóm Dự án công nghệ tự động hóa, cơ giới hoá

Cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất, thu hoạch, chế biến và bảo quản sau thu hoạch các loại rau, củ, quả, cây ăn trái;

Tự động hóa trong tưới tiêu, kết hợp dinh dưỡng trong canh tác rau quả, hoa, nấm ăn, nấm dược liệu trong nhà kính, nhà màng;

Tự động hóa, bán tự động trong quá trình nuôi thủy sản, trồng trọt.

Quy mô đầu tư Dự án có giá trị đầu tư tối thiểu 01 tỷ đồng/Dự án trở lên;

c) Nhóm dự án kỹ thuật canh tác, nuôi trồng

Ứng dụng kỹ thuật canh tác (không dùng đất): Thủy canh, khí canh, trồng cây trên giá thể, màng dinh dưỡng; công nghệ tưới phun, tưới nhỏ giọt có hệ thống điều khiển tự động, bán tự động; công nghệ nhà kính, nhà lưới, nhà màng có hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động; công nghệ nuôi thâm canh, nuôi siêu thâm canh thủy sản;

Nhân giống và sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu trong nhà màng, nhà kính có hệ thống điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm và ánh sáng thích hợp;

Sản xuất các loại rau, quả, hoa lan, trong nhà lưới, nhà màng, nhà kính áp dụng công nghệ thủy canh hoặc tưới nước tiết kiệm, điều tiết tự động dinh dưỡng, ánh sáng;

Chuyển đổi cây trồng kém hiệu quả sang sản xuất cây ăn trái;

Chăn nuôi bò thịt, bò sữa; thủy sản nuôi tôm càng xanh, các loại cá bản địa mà địa phương có thể mạnh đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm theo quy định.

Quy mô đầu tư Dự án có giá trị đầu tư tối thiểu 01 tỷ đồng/dự án trở lên;

d) Nhóm Dự án lĩnh vực sơ chế, bảo quản và chế biến

Sơ chế, bảo quản và chế biến các loại rau, củ, quả; cây ăn trái bảo đảm đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm theo các quy định hiện hành.

Quy mô đầu tư Dự án: Có giá trị đầu tư tối thiểu 01 tỷ đồng/Dự án trở lên;

đ) Mức hỗ trợ lãi vay và thời gian hỗ trợ

Mức hỗ trợ lãi vay là 5%/năm trên số vốn vay theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này; thời gian hỗ trợ không quá 5 năm.

3. Các Dự án nông nghiệp hữu cơ

a) Nhóm Dự án lĩnh vực trồng trọt

Sản xuất các nông sản nông nghiệp hữu cơ đạt tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế.

Quy mô Dự án đầu tư: Dự án nông nghiệp hữu cơ diện tích từ 01 ha trở lên hoặc có giá trị đầu tư 01 tỷ đồng trở lên/Dự án;

b) Nhóm Dự án lĩnh vực chăn nuôi và thủy sản

Khuyến khích phát triển chăn nuôi bò thịt, bò sữa, heo, gia cầm (gà thịt lông màu); thủy sản nuôi tôm càng xanh, các loại cá bản địa mà địa phương có thể mạnh đạt tiêu chuẩn hữu cơ.

Quy mô Dự án đầu tư: Dự án chăn nuôi heo thịt 250 con/năm trở lên; bò thịt 50 con/năm trở lên; bò sữa có quy mô đàn 10 con trở lên; gà thịt lông màu 5.000 con/lứa trở lên; Dự án nuôi trồng thủy sản diện tích mặt nước từ 01 ha trở lên hoặc các Dự án trên có giá trị đầu tư tối thiểu 01 tỷ đồng/Dự án trở lên;

c) Mức hỗ trợ lãi vay và thời gian hỗ trợ

Mức hỗ trợ lãi vay: Hỗ trợ 100% lãi vay trên số vốn vay theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này, thời gian hỗ trợ không quá 5 năm.

Điều 5. Vốn và nguồn vốn thực hiện

1. Vốn: Bố trí hàng năm 5 -10 tỷ đồng/năm, kể từ năm thứ 2 trở đi ngoài bố trí vốn hàng năm bố trí thêm vốn để thanh toán hỗ trợ lãi vay cho năm trước: Tổng vốn thực hiện chính sách trong giai đoạn 2019-2025 khoảng 100-200 tỷ đồng.

2. Nguồn vốn thực hiện: Vốn sự nghiệp từ Ngân sách tỉnh.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, định kỳ có đánh giá, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện; phê duyệt mức hỗ trợ lãi vay các Dự án đầu tư cho các đối tượng theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm và có hiệu lực từ ngày tháng năm

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 26 /2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2021./.

Nơi nhận:

- Ủy Ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- UBND Tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Lưu: VP.ĐDBQH, HĐND và UBND tỉnh.

CHỦ TỊCH

Số: 431 /TTr-SNN

Tây Ninh, ngày 25 tháng 02 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025

Thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh năm 2019;

Thực hiện Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2019;

Thực hiện báo cáo số 429/BC-STP ngày 04/3/2019 của Sở Tư pháp về việc kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025;

Thực hiện kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp thường kỳ UBND tỉnh tháng 02/2019 (ngày 27/02/2019) về việc cho ý kiến ban hành Nghị Quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025;

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết và các hồ sơ liên quan, với các nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội XII của Đảng; Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2015-2020; Chương trình 07-CTr/TU ngày 22/12/2016 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với cơ cấu lại nông nghiệp; Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại nông nghiệp tỉnh Tây Ninh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Cuối năm 2017, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 27/9/2017 và UBND tỉnh ban hành Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 quy định về hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2021; theo đó trong năm 2018 Sở Nông nghiệp và PTNT đã triển khai chính sách đến UBND các huyện, thành phố đồng thời lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT cùng cán bộ chuyên môn trong năm xuống trực tiếp tư vấn, hướng dẫn khoản 10 nhà đầu tư lập dự án nhưng đến cuối năm 2018 có 03 nhà đầu tư nộp hồ sơ, chính sách chưa khuyến khích được nhiều nhà đầu tư tham gia dự án do quy mô đầu tư dự án lớn, mức hỗ trợ lãi vay thấp, thời gian hỗ trợ ngắn, nhà đầu tư phải thực hiện nhiều thủ tục hành chính trước khi trình thẩm định như: Xác nhận xã, huyện, Ngân hàng thương mại cho

vay về giải ngân kinh phí cho vay và đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gặp rất nhiều rủi ro. Qua nghiên cứu dự thảo chính sách hỗ trợ lãi vay mới các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ nhận thấy mức hỗ trợ cao hơn, thời gian hỗ trợ dài hơn nên đã đồng ý chờ hưởng theo chính sách mới; đồng thời có sự thay đổi một số chính sách, Chính phủ đã ban hành Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Từ những vấn đề nêu trên và bất cập trong quá trình triển khai thực hiện chính sách cần phải xây dựng chính sách hỗ trợ lãi vay mới theo hướng giảm quy mô, tăng mức hỗ trợ, tăng thời gian hỗ trợ, giảm bớt thủ tục hành chính nhằm thu hút các nhà đầu tư thực hiện các dự án với quy mô vừa và nhỏ phù hợp với tình hình thực tế địa phương, với các hình thức liên kết trong sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

II. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Quan điểm

Thúc đẩy phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp nhằm chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện, hiện đại, có năng suất, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến hướng đến thị trường tiêu thụ nội địa và xuất khẩu; gắn phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp và xây dựng nông thôn mới; từng bước hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tăng giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đất, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững;

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phù hợp với chủ trương, chiến lược phát triển nông nghiệp của ngành, của địa phương để có những bước đi thích hợp và lựa chọn một số cây trồng chủ lực (nhất là cây ăn trái) vật nuôi thế mạnh đầu tư hỗ trợ tạo ra những sản phẩm nông nghiệp hàng hóa có năng suất, chất lượng an toàn và khả năng cạnh tranh cao;

Sử dụng các nguồn lực địa phương có hiệu quả; đồng thời tiếp thu có chọn lọc những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao trong nước và ngoài nước để áp dụng vào sản xuất nông nghiệp theo điều kiện thực tế của từng địa phương để phát triển thực hành nông nghiệp tốt theo hướng bền vững.

2. Mục tiêu

Xây dựng chính sách hỗ trợ lãi vay nhằm khuyến khích tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư tiếp cận nguồn vốn vay thực hiện đầu tư các dự án phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Tạo ra những sản phẩm an toàn, có chất lượng, hiệu quả cao và bảo đảm môi trường sinh thái;

Khai thác hợp lý và có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên; đồng thời tận dụng tối đa lợi thế của địa phương về vị trí địa lý và thị trường tiêu thụ, kết hợp với việc sơ chế, chế biến và bảo quản nhằm nâng cao giá trị sản phẩm thúc đẩy nền nông nghiệp tỉnh

Tây Ninh phát triển theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện nhanh đời sống nông dân;

Hình thành các vùng nguyên liệu sản xuất hàng hóa như: Các loại rau, củ, quả; cây ăn trái; chăn nuôi và thủy sản theo hướng tập trung có chất lượng cao bảo đảm tiêu chuẩn quy định phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu;

Thúc đẩy nhanh sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao góp phần tạo giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân đạt 100 triệu đồng/ha; có ít nhất 40% sản lượng nông sản, thực phẩm (bao gồm rau, củ, quả, trái cây) được sản xuất theo quy trình VietGAP, GlobalGAP, nông nghiệp hữu cơ có thể truy xuất nguồn gốc được và tỷ trọng giá trị nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỷ trọng đạt 30% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

III. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Chính sách này quy định mức hỗ trợ lãi vay thực hiện các Dự án đầu tư phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nông nghiệp hữu cơ; công nghệ sơ chế, bảo quản và chế biến các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

Pháp nhân và cá nhân (sau đây gọi chung là Nhà đầu tư) có nhu cầu vay vốn để thực hiện dự án sản xuất kinh doanh thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nông nghiệp hữu cơ; công nghệ sơ chế, bảo quản và chế biến các sản phẩm nông nghiệp theo quy định.

IV. NGUYÊN TẮC VÀ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Đối với Dự án đầu tư đáp ứng đủ các điều kiện thụ hưởng nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thì Nhà đầu tư chỉ được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất;

b) Nhà đầu tư chỉ được áp dụng chính sách hỗ trợ lãi vay 01 lần/Dự án trong chu kỳ 10 năm (tính từ ngày hưởng chính sách hỗ trợ lãi vay theo quy định) để đầu tư phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nông nghiệp hữu cơ;

c) Trường hợp Dự án có thay đổi về quy mô, công nghệ sau khi đã được áp dụng chính sách hỗ trợ lãi vay làm thay đổi quy mô Dự án thì Chủ đầu tư phải có đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh nội dung và mức hỗ trợ Dự án;

d) Thời gian hỗ trợ lãi vay được thực hiện vào Quý I năm tiếp theo, trên cơ sở chứng từ thu lãi vay thuộc Dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt của các Chi nhánh Ngân hàng thương mại trong năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ chi khoản hỗ trợ lãi vay theo quy định trực tiếp cho Nhà đầu tư.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng vay vốn có Dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt mức hỗ trợ lãi vay;

b) Có hợp đồng vay vốn thực hiện Dự án đầu tư phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nông nghiệp hữu cơ; sơ chế, bảo quản và chế biến các sản phẩm nông nghiệp đã được giải ngân tại các chi nhánh Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; việc hỗ trợ lãi vay chỉ thực hiện đối với khoản vay trả nợ đúng hạn, những khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn sẽ không được hỗ trợ kể từ thời điểm phát sinh nợ xấu;

c) Đối với Dự án thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ được hỗ trợ 50% mức hỗ trợ lãi vay sau khi được ngân hàng thương mại giải ngân; nếu hết thời gian quy định hưởng hỗ trợ lãi vay, sản phẩm của Dự án được cấp giấy chứng nhận VietGAP, VietGAHP, GlobalGAP và hữu cơ theo quy định thì được hỗ trợ 50% mức hỗ trợ lãi vay còn lại. Trường hợp hết thời gian quy định được hỗ trợ lãi vay nhưng chưa được cấp chứng nhận theo quy định thì ngưng việc hỗ trợ 50% mức hỗ trợ lãi vay còn lại; trong quá trình sản xuất không được cơ quan chức năng chứng nhận sản phẩm của Dự án đạt tiêu chuẩn VietGAP, VietGAHP, GlobalGAP và hữu cơ mà không chứng minh được việc thực hiện để chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn trên thì thu hồi phần đã hỗ trợ;

d) Đối với Dự án đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao khi có biên bản nghiệm thu nội dung, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Dự án được phê duyệt được hỗ trợ 100% mức hỗ trợ lãi vay theo quy định;

đ) Đối với Dự án sơ chế, bảo quản và chế biến sản phẩm nông nghiệp khi có biên bản nghiệm thu nội dung, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Dự án được phê duyệt và đạt tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định được hỗ trợ 100% mức hỗ trợ lãi vay.

V. MỨC TRẦN VỐN VAY ĐƯỢC HỖ TRỢ

1. Đối với pháp nhân: Mức trần vốn vay được hỗ trợ lãi vay không vượt quá 20 tỷ đồng/Dự án.

2. Đối với cá nhân: Mức trần vốn vay được hỗ trợ lãi vay không vượt quá 10 tỷ đồng/Dự án.

VI. NỘI DUNG, MỨC HỖ TRỢ

1. Các Dự án đầu tư phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt

a) Nhóm Dự án lĩnh vực trồng trọt

Sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, an toàn và hiệu quả cao, đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP như: Các loại rau, củ, quả, cây ăn trái.

Quy mô dự án đầu tư: Diện tích tối thiểu 05 ha (nhà đầu tư có thể hợp tác, liên kết để đạt diện tích 05 ha) hoặc có giá trị đầu tư tối thiểu từ 01 tỷ đồng/Dự án trở lên;

b) Nhóm Dự án lĩnh vực chăn nuôi và thủy sản

Chăn nuôi bò thịt, bò sữa; thủy sản nuôi tôm càng xanh, các loại cá bản địa mà địa phương có thể mạnh áp dụng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAHP, GlobalGAP).

Quy mô đầu tư: Dự án chăn nuôi bò thịt 150 con/năm trở lên, bò sữa có quy mô đàn 10 con trở lên đạt tiêu chuẩn VietGAHP; Dự án nuôi thủy sản diện tích mặt nước từ 02 ha trở lên hoặc các Dự án trên có giá trị đầu tư tối thiểu 01 tỷ đồng/Dự án trở lên;

c) Mức hỗ trợ lãi vay và thời gian hỗ trợ

Mức hỗ trợ lãi vay là 5%/năm trên số vốn vay theo quy định tại Mục V; thời gian hỗ trợ không quá 5 năm.

2. Các Dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

a) Nhóm Dự án công nghệ sinh học

Sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp: Phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh; thuốc bảo vệ thực vật, thuốc điều hòa sinh trưởng, chế phẩm xử lý môi trường có nguồn gốc sinh học;

Lai tạo giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản có ứng dụng các kỹ thuật sinh học phân tử để tạo ra các giống cây, con mới có các đặc tính ưu việt (năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng kháng bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu);

Ứng dụng công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào, đột biến phóng xạ đối với cây trồng, vật nuôi và công nghệ tế bào động vật trong đông lạnh tinh, phôi và cấy chuyển hợp tử, phân biệt giới tính, thụ tinh ống nghiệm sản xuất giống vật nuôi phù hợp điều kiện của tỉnh;

Sản xuất vắc-xin thú y để phòng bệnh cho vật nuôi;

Sản xuất giống cây trồng (sản xuất hạt giống lai hoặc giống cấy mô hoặc chiết, ghép, giâm cành nhân nhanh giống) có năng suất, chất lượng cao phù hợp nhu cầu phát triển nông nghiệp địa phương, đạt tiêu chuẩn theo quy định;

Ứng dụng công nghệ vi sinh, enzym và protein ứng dụng sản xuất quy mô công nghiệp các chế phẩm sinh học dùng trong dinh dưỡng, bảo vệ cây trồng, vật nuôi;

Công nghệ sinh học (nghiên cứu thiên địch) trong quản lý và phòng trừ dịch sâu, bệnh hại cây trồng nông lâm nghiệp; sinh học phân tử và miễn dịch học, vi sinh vật học trong phòng, trị một số loại dịch bệnh nguy hiểm đối với thủy sản.

Quy mô đầu tư Dự án có giá trị đầu tư tối thiểu 01 tỷ đồng/Dự án trở lên;

b) Nhóm Dự án công nghệ tự động hóa, cơ giới hoá

Cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất, thu hoạch, chế biến và bảo quản sau thu hoạch các loại rau, củ, quả, cây ăn trái;

Tự động hóa trong tưới tiêu, kết hợp dinh dưỡng trong canh tác rau quả, hoa, nấm ăn, nấm dược liệu trong nhà kính, nhà màng;

Tự động hóa, bán tự động trong quá trình nuôi thủy sản, trồng trọt.

Quy mô đầu tư Dự án có giá trị đầu tư tối thiểu 01 tỷ đồng/Dự án trở lên;

c) Nhóm dự án kỹ thuật canh tác, nuôi trồng

Ứng dụng kỹ thuật canh tác (không dùng đất): Thủy canh, khí canh, trồng cây trên giá thể, màng dinh dưỡng; công nghệ tưới phun, tưới nhỏ giọt có hệ thống điều khiển tự động, bán tự động; công nghệ nhà kính, nhà lưới, nhà màng có hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động; công nghệ nuôi thâm canh, nuôi siêu thâm canh thủy sản;

Nhân giống và sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu trong nhà màng, nhà kính có hệ thống điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm và ánh sáng thích hợp;

Sản xuất các loại rau, quả, hoa lan, trong nhà lưới, nhà màng, nhà kính áp dụng công nghệ thủy canh hoặc tưới nước tiết kiệm, điều tiết tự động dinh dưỡng, ánh sáng;

Chuyển đổi cây trồng kém hiệu quả sang sản xuất cây ăn trái;

Chăn nuôi bò thịt, bò sữa; thủy sản nuôi tôm càng xanh, các loại cá bản địa mà địa phương có thể mạnh đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm theo quy định.

Quy mô đầu tư Dự án có giá trị đầu tư tối thiểu 01 tỷ đồng/dự án trở lên;

d) Nhóm Dự án lĩnh vực sơ chế, bảo quản và chế biến

Sơ chế, bảo quản và chế biến các loại rau, củ, quả; cây ăn trái bảo đảm đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm theo các quy định hiện hành.

Quy mô đầu tư Dự án: Có giá trị đầu tư tối thiểu 01 tỷ đồng/Dự án trở lên;

đ) Mức hỗ trợ lãi vay và thời gian hỗ trợ

Mức hỗ trợ lãi vay là 5%/năm trên số vốn vay theo quy định tại Mục V; thời gian hỗ trợ không quá 5 năm.

3. Các Dự án nông nghiệp hữu cơ

a) Nhóm Dự án lĩnh vực trồng trọt

Sản xuất các nông sản nông nghiệp hữu cơ đạt tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế.

Quy mô Dự án đầu tư: Dự án nông nghiệp hữu cơ diện tích từ 01 ha trở lên hoặc có giá trị đầu tư 01 tỷ đồng trở lên/Dự án;

b) Nhóm Dự án lĩnh vực chăn nuôi và thủy sản

Khuyến khích phát triển chăn nuôi bò thịt, bò sữa, heo, gia cầm (gà thịt lông màu); thủy sản nuôi tôm càng xanh, các loại cá bản địa mà địa phương có thể mạnh đạt tiêu chuẩn hữu cơ.

Quy mô Dự án đầu tư: Dự án chăn nuôi heo thịt 250 con/năm trở lên; bò thịt 50 con/năm trở lên; bò sữa có quy mô đàn 10 con trở lên; gà thịt lông màu 5.000 con/lứa trở lên; Dự án nuôi trồng thủy sản diện tích mặt nước từ 01 ha trở lên hoặc các Dự án trên có giá trị đầu tư tối thiểu 01 tỷ đồng/Dự án trở lên;

c) Mức hỗ trợ lãi vay và thời gian hỗ trợ

Mức hỗ trợ lãi vay: Hỗ trợ 100% lãi vay trên số vốn vay theo quy định tại Mục V, thời gian hỗ trợ không quá 5 năm.

VII. DỰ KIẾN VỐN VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Vốn: Bố trí hàng năm 5 -10 tỷ đồng/năm, kể từ năm thứ 2 trở đi ngoài bố trí vốn hàng năm bố trí thêm vốn để thanh toán hỗ trợ lãi vay cho năm trước: Tổng vốn thực hiện chính sách trong giai đoạn 2019-2025 khoảng 100-200 tỷ đồng.

2. Nguồn vốn thực hiện: Vốn sự nghiệp từ Ngân sách tỉnh.

(Kèm hồ sơ gồm dự thảo: Tờ trình UBND trình HĐND, Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND tỉnh; báo cáo tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp)

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, CCPTNT.

GIÁM ĐỐC



Võ Đức Trọng

BÁO CÁO

**Về tiếp thu kết quả thẩm định ban hành Nghị quyết
về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất
nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao,
nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025**

Trên cơ sở Báo cáo số 429/BC-STP ngày 04/3/2019 của Sở Tư pháp về việc kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025 (chỉ tiết văn bản kèm theo),

Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo tiếp thu như sau:

TT	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Giải trình tiếp thu nội dung góp ý	Lý do bổ sung, điều chỉnh
1	Ý kiến thẩm định Sở Tư pháp	- Bổ sung căn cứ Nghị định 57/2018/NĐ-CP vào phần căn cứ; - Tại Điểm c, Khoản 3, Điều 4 lĩnh vực nông nghiệp hữu cơ đề nghị bỏ đoạn “mức hỗ trợ lãi vay theo hợp đồng vay vốn giữa Nhà đầu tư và Ngân hàng thương mại cho vay”; - Tại Điều 5 Vốn và nguồn vốn thực hiện đề nghị đưa lên Chương II; - Tại Điều 6 Tổ chức thực hiện đề nghị đưa nội dung quy định tại đoạn 2, Khoản 2 thành một Điều riêng biệt (Điều 7. Điều khoản thi hành); - Đề nghị cơ quan soạn thảo văn bản theo quy định tại Chương V Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ; - Các ý kiến khác theo Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp.	Tiếp thu đã chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết	

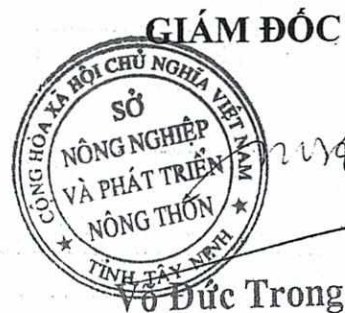
		Xem lại bố trí vốn hàng năm và tổng nhu cầu vốn	Tiếp thu và điều chỉnh như sau: Bố trí vốn hàng năm 5 - 10 tỷ đồng/năm, kể từ năm thứ 2 trở đi ngoài bố trí vốn hàng năm bố trí thêm vốn để thanh toán hỗ trợ lãi vay cho năm trước: Tổng vốn thực hiện chính sách trong giai đoạn 2019-2025 khoảng 100-200 tỷ đồng.	
2	Ý kiến góp ý khác			

(Kèm theo Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp)

Trên đây là Báo cáo về tiếp thu kết quả thẩm định ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025 của Sở Nông nghiệp và PTNT. /.

Nơi nhận

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, CCPTNT.



BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025.

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 425/SNN-CCPTNT ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và đối chiếu với các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Căn cứ pháp lý thẩm định

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển.

2. Sự cần thiết ban hành nghị quyết

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; điểm đ khoản 1 Điều 8 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và tình hình thực tế của địa phương thì Hội đồng nhân dân tỉnh cần thiết và có thẩm quyền ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019 - 2025.

3. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của nghị quyết

Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết phù hợp với các văn bản làm căn cứ ban hành Nghị quyết.

4. Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật

Dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025 đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với các quy định của Trung ương.

5. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với các quy định trong văn bản đã giao quy định chi tiết

Cơ bản Sở Tư pháp thống nhất với dự thảo Nghị quyết nhưng đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa lại một số nội dung sau:

- Tại thẩm quyền ban hành, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ dấu phẩy sau từ “KHÓA...”.

Lý do, để phù hợp với quy định tại Mẫu số 16 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP).

- Tại phần căn cứ ban hành

+ Tại căn cứ thứ nhất, thứ 2 và thứ 3, đề nghị viết hoa các từ “tổ, ngân, công” sau từ Luật.

+ Đề nghị bổ sung thêm Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ vào căn cứ thứ 5 và căn cứ thứ 5 chuyển thành căn cứ thứ 6.

Lý do, căn cứ này có nội dung liên quan đến nội dung dự thảo Nghị quyết.

+ Tại căn cứ thứ 6 (đã sửa), đề nghị:

Bổ sung thêm từ “số” sau từ “Nghị định” và trình bày thời gian ban hành văn bản bằng chữ ngày...tháng...năm.

Lý do, để thống nhất cách trình bày với các căn cứ khác.

Bỏ từ “về” trước từ “sửa đổi”; bổ sung dấu phẩy (,) giữa 02 cụm từ “sửa đổi” và “bổ sung”; trình bày thời gian ban hành văn bản bằng chữ ngày...tháng...năm.

Lý do, để đảm bảo viết phù hợp với tên trích yếu của Nghị định số 116/2018/NĐ-CP.

+ Tại căn cứ thứ 7, đề nghị viết hoa các từ “Danh” trong cụm từ “danh mục”.

Lý do, để đảm bảo viết thống nhất với tên trích yếu của Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg.

+ Tại căn cứ cuối cùng, đề nghị:

Bổ sung thêm từ “sản xuất” sau từ “thực hành”.

Lý do, để đảm bảo thống nhất với tên trích yếu của dự thảo Nghị quyết.

Thay từ “và” bằng dấu chấm phẩy (;) và bỏ từ “tính” trước cụm từ “tại kỳ họp”.

Lý do, để phù hợp với quy định tại Mẫu số 16 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Cụ thể sửa lại như sau:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên

đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2015; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

- Tại khoản 2 Điều 1, đề nghị bỏ từ “Bao gồm” trước từ “pháp nhân”.

- Tại điểm a khoản 1 Điều 2, đề nghị thay từ “thỏa” bằng cụm từ “đáp ứng đủ các”.

- Tại Điều 3, đề nghị bổ sung thêm từ “trần” sau từ “Mức”.

Lý do, để đảm bảo sự thống nhất với tên tiêu đề của Điều này. Cụ thể sửa lại như sau:

Điều 3. Mức trần vốn vay được hỗ trợ

1. Đối với pháp nhân: Mức trần vốn vay...

2. Đối với cá nhân: Mức trần vốn vay...

- Tại Điều 4

+ Tại khoản 1 Điều 4:

Tại điểm a, b khoản 1 Điều này, đề nghị bỏ từ “gồm” và bỏ dấu hai chấm (:) cuối tên tiêu đề; thay dấu chấm (.) cuối đoạn 2 tại các điểm bằng dấu chấm phẩy (;) và thay dấu chấm phẩy (;) cuối đoạn 1 tại điểm b bằng dấu chấm (.).

Lý do, để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Tại điểm c khoản 1 Điều này, đề nghị bổ sung thêm cụm từ “Nghị quyết này” sau cụm từ “Điều 3”.

* **Lưu ý:** Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa nội dung quy định tại các điểm của khoản 2, khoản 3 Điều này tương tự như trên.

+ Tại đoạn thứ 3 của điểm a, khoản 2 Điều này, đề nghị bổ sung thêm từ “với” trước từ “cây trồng”; thay điểm e tại khoản này thành điểm đ.

+ Tại điểm c khoản 3 Điều này, đề nghị bỏ đoạn “(mức hỗ trợ lãi vay theo hợp đồng vay vốn giữa nhà đầu tư và ngân hàng thương mại cho vay)”.

Lý do, để đảm bảo thống nhất với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Cụ thể sửa lại như sau:

Điều 4. Nội dung, mức hỗ trợ

1. Các dự án đầu tư phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt

a) Nhóm dự án lĩnh vực trồng trọt

Sản xuất các sản phẩm nông nghiệp...cây ăn trái.

Quy mô dự án đầu tư...từ 01 tỷ đồng/dự án trở lên;

b) Nhóm dự án lĩnh vực chăn nuôi và thủy sản

Chăn nuôi bò thịt, bò sữa...(VietGAHP, GlobalGAP).

Quy mô đầu tư...01 tỷ đồng/dự án trở lên;

c) Mức hỗ trợ lãi vay và thời gian hỗ trợ

Mức hỗ trợ lãi vay là 5%/năm trên số vốn vay theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này; thời gian hỗ trợ không quá 5 năm.

2. Các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

a) Nhóm dự án công nghệ sinh học

...

d) Nhóm dự án lĩnh vực sơ chế, bảo quản và chế biến

...

đ) Mức hỗ trợ lãi vay và thời gian hỗ trợ

...

3. Các dự án nông nghiệp hữu cơ

...

c) Mức hỗ trợ lãi vay và thời gian hỗ trợ

Mức hỗ trợ lãi vay: Hỗ trợ 100% lãi vay trên số vốn vay theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này, thời gian hỗ trợ không quá 5 năm.

- Tại Điều 5:

+ Đề nghị cơ quan soạn thảo đưa nội dung quy định tại Điều này lên Chương II.

Lý do, chương III quy định nội dung về việc tổ chức thực hiện nên đưa Điều 5 vào chương này là không phù hợp.

+ Tại khoản 1 Điều này, đề nghị bỏ các từ “ước”, “khoảng”.

Lý do, để đảm bảo tính minh bạch trong quy định của văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 5 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

- Tại Điều 6, đề nghị đưa nội dung quy định tại đoạn 2 khoản 2 Điều này thành 01 Điều riêng biệt.

Cụ thể sửa lại như sau:

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân tỉnh Tây Ninh Khóa...Kỳ họp thứ...thông qua ngày...tháng...năm ...và có hiệu lực từ ngày...tháng...năm...

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2021./.

- Tại phần nơi nhận, đề nghị bổ sung thêm cơ quan nhận “Sở Tư pháp”; thay “Trung tâm Công báo tỉnh” bằng “Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh” và thay “VP.HĐND tỉnh” bằng “VP.ĐDBQH, HĐND&UBND tỉnh”.

6. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày thể thức văn bản theo quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật như:

- Sử dụng dấu chấm phẩy (;) sau khi kết thúc quy định tại các điểm và sử dụng dấu chấm (.) sau khi kết thúc quy định tại điểm cuối cùng.

- Không sử dụng dấu hai chấm (:) cuối tên tiêu đề các điểm.

- Viết hoa chưa đúng quy định. Cụ thể như: “Dự án”, “Chủ đầu tư”, “Quý I”, “Ngân sách”.

7. Về trình tự, thủ tục ban hành văn bản

Dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025 được cơ quan soạn thảo tham mưu theo quy trình của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và đăng tải nội dung dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để các cơ quan, tổ chức và cá nhân góp ý theo quy định.

Lưu ý: Cơ quan soạn thảo có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Qua báo cáo nêu trên, Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025 đủ điều kiện để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên đây là kết quả thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

giai đoạn 2019-2025. Kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Giám đốc phụ trách STP;
- Lưu: VT, XDKTVB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ly Hoàng Vũ

Số: 41 /BC-SNN

Tây Ninh, ngày 31 tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
Hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt,
nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ
tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội XII của Đảng; Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2015-2020; Chương trình 07-CTr/TU ngày 22/12/2016 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với cơ cấu lại nông nghiệp; Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại nông nghiệp tỉnh Tây Ninh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Thời gian qua việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh đã đạt những kết quả, cụ thể:

- Chính sách hỗ trợ xây dựng cánh đồng lớn đã triển khai thực hiện các mô hình thâm canh lúa hiệu quả và bền vững theo hướng VietGAP và cánh đồng lớn với tổng kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ là 8.393 triệu đồng, trong đó có 05 dự án hỗ trợ nông dân chi phí 30% mua giống cây trồng tham gia xây dựng cánh đồng lớn tại các huyện Tân Châu, Trảng Bàng, Tân Biên, kinh phí hỗ trợ giống cây trồng khoảng 3.725 triệu đồng;

- Chính sách hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh hỗ trợ các hộ gia đình mua con giống, xử lý chất thải trong chăn nuôi và hỗ trợ gieo tinh nhân tạo cho gia súc với số tiền hỗ trợ là 8.030 triệu đồng;

- Chính sách hỗ trợ đầu tư hệ thống xử lý nước hộ gia đình nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2020 theo Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh, năm 2018 đã hỗ trợ 1.284 hộ đối tượng để lắp đặt hệ thống xử lý nước hộ gia đình nông thôn với kinh phí hỗ trợ là 8.601 triệu đồng;

- Chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh, đã hướng dẫn cho khoảng 10 đối tượng quy định lập dự án đầu tư nhưng qua một năm triển khai thực hiện chính sách chưa thu hút các nhà đầu tư thực hiện dự án để đầu tư phát triển sản xuất nông

trồng, vật nuôi như: Cây lúa, gà thịt lông màu do tình hình hiện nay về diện tích trồng cây lúa và chăn nuôi gà thịt lông màu đang phát triển mạnh, cụ thể:

+ Theo báo cáo diện tích cây lúa năm 2018 là: 143.790 ha, đến năm 2020 dự báo giảm còn là 130.000 ha và đến năm 2030 giảm còn 120.000 ha, nên chính sách này không khuyến khích phát triển cây lúa đại trà (theo đó đối với cây lúa cần giảm diện tích vì lợi nhuận trên cây lúa thấp, nơi nào có điều kiện thì phát triển cây ăn trái hình thành vùng nguyên liệu để cung cấp cho nhà máy chế biến Tanifood);

+ Chăn nuôi gà lông màu đã phát triển khá mạnh, tổng đàn gà năm 2018 là 5.600.000 con, hiện có 54 cơ sở chăn nuôi gà VietGAHP (chiếm 45% tổng đàn gà), nên không khuyến khích phát triển trong thời gian tới.

- Bổ sung nuôi bò sữa do trên địa bàn huyện Bến Cầu hiện nay phát triển nhà máy chế biến sữa, vì vậy cần khuyến khích các hộ nông dân nhỏ tại các địa phương có điều kiện phát triển chăn nuôi bò sữa để cung cấp nguyên liệu sữa cho nhà máy (theo Đề án chuỗi giá trị quy mô trang trại trên 20 con, quy mô gia trại từ 10-20 con, hộ nhỏ lẻ dưới 10 con; hiện tại giá mỗi con bò sữa giao động từ 30 -40 triệu đồng nên việc hỗ trợ phát triển chăn nuôi bò sữa thời gian tới là phù hợp thực tiễn, từ đó đề xuất về quy mô đàn 10 con là phù hợp với các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ.

3.2 Chính sách 2: Hỗ trợ lãi vay thực hiện dự án nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Quy mô đầu tư dự án giá trị đầu tư từ 05 tỷ đồng/dự án, giảm giá trị đầu tư tối thiểu 01 tỷ đồng/dự án; đồng thời bỏ quy mô về diện tích tối thiểu không còn phù hợp nhằm thu hút các hộ nông dân có diện tích nhỏ được hưởng lợi từ chính sách hỗ trợ này. Thực tế cho thấy việc đầu tư công nghệ cao chủ yếu nhà kính, nhà màng và các máy móc thiết bị tự động phục vụ sản xuất, đầu tư công nghệ cao có quy mô diện tích không lớn mà giá trị đầu tư thì cao.

- Mức hỗ trợ lãi vay: Tăng mức hỗ trợ lãi vay từ 2,5%/năm lên 5%/năm nhằm giảm bớt chi phí cho nhà đầu tư và rủi ro trong quá trình đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Dự thảo đề xuất bỏ khuyến khích hỗ trợ lãi vay đầu tư đối với cơ sở giết mổ, ứng dụng công nghệ chiếu xạ, công nghệ mới trong bảo quản, do lĩnh vực này có sự tham gia của các doanh nghiệp đầu tư, hiện nay Chính phủ có Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về hỗ trợ doanh nghiệp lĩnh vực này (Nội dung này do Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ của địa phương).

- Bổ sung hỗ trợ lãi vay lĩnh vực cơ giới hoá đối với cây ăn trái do thời gian tới cần khuyến khích chuyển đổi cây trồng không hiệu quả sang cây ăn trái và nên khuyến khích hỗ trợ lãi vay thực hiện việc đầu tư phát triển đồng bộ cơ giới hoá cây trồng là cần thiết để phát triển sản xuất theo hướng ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao. Hiện nay lực lượng lao động ở nông thôn đang chuyển dần sang làm công nhân khu công nghiệp và dịch vụ có thu nhập ổn định, để giải quyết được tình trạng thiếu lao động ở lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn hiện nay, việc bổ sung hỗ trợ lãi vay đầu tư cơ giới

hoá là cần thiết, giảm chi phí đầu tư, tăng lợi nhuận cho người sản xuất, tăng năng suất lao động ở nông thôn.

3.3 Chính sách 3: Hỗ trợ lãi vay thực hiện dự án nông nghiệp hữu cơ

- Quy mô đầu tư dự án đối với lĩnh vực trồng trọt từ 05 ha/dự án, giảm tối thiểu diện tích 01 ha/dự án hoặc giá trị đầu tư từ 05 tỷ đồng giảm còn 01 tỷ đồng/dự án nhằm thu hút các hộ nông dân có diện tích nhỏ được hưởng lợi từ chính sách này. Thực tế cho thấy để tạo điều kiện các hộ nông dân tham gia thực hiện dự án nông nghiệp hữu cơ cần diện tích không lớn từ khoảng 1 đến 5 ha là phù hợp; nguồn vốn đầu tư khoảng 01 tỷ đồng/dự án; đồng thời phát triển các hình thức hợp tác và tiêu thụ sản phẩm để thực hiện dự án có hiệu quả.

- Mức hỗ trợ lãi vay từ 3%/năm, tăng lên hỗ trợ 100% lãi vay (khoảng 9 đến 10%/năm). Lý do việc sản xuất nông nghiệp hữu cơ phải đáp ứng đúng theo tiêu chuẩn quy định là rất khó khăn trong quá trình thực hiện để được chứng là sản phẩm hữu cơ; đồng thời kéo dài thời gian hỗ trợ lãi vay là cần thiết để duy trì phát triển sản phẩm hữu cơ phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, vì vậy rất cần hỗ trợ lãi vay nhằm giảm bớt những khó khăn về tài chính, rủi ro cho nhà đầu tư trong quá trình đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp hữu cơ.

- Dự thảo chính sách hỗ trợ lãi vay: Đề xuất bỏ khuyến khích hỗ trợ đầu tư đối với heo giống (ông, bà trở lên), là do tình hình hiện nay việc phát triển chăn nuôi heo theo quy mô hộ gia đình là không lớn, tập trung chủ yếu phát triển chăn nuôi heo theo quy mô trang trại thực hiện gia công cho các công ty cung cấp giống và thức ăn theo hợp đồng.

4. Đánh giá tác động của chính sách

a) Tác động tích cực

*** Đối với các nhà đầu tư (Pháp nhân và cá nhân)**

- Ban hành chính sách hỗ trợ lãi vay để thu hút các nhà đầu tư đầu tư vào phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nông nghiệp hữu cơ có tác động tích cực đối với các nhà đầu tư dự án giúp họ giảm bớt gánh nặng một phần về vốn vay, rủi ro trong đầu tư dự án.

- Hiện nay, các nhà đầu tư vay vốn tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh, mức lãi vay các ngân hàng thương mại cho vay giao động từ 9-10%/năm (vay trung hạn), nếu ban hành chính sách này sẽ khuyến khích các nhà đầu tư thực hiện các dự án thực hành nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ lãi vay trung trình khoảng 50% (khoảng 5%/năm); riêng đối với đầu tư nông nghiệp hữu cơ hỗ trợ tới 100% lãi vay (khoảng từ 9 đến 10%/năm).

- Tạo thêm động lực khuyến khích nhà đầu tư đầu tư mạnh thêm vào phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nông nghiệp hữu cơ.

*** Đối với phát triển kinh tế - Xã hội của tỉnh:**

- Về Kinh tế:

+ Hình thành những khu sản xuất tập trung, liên kết sản xuất bền vững tăng thu nhập cho người dân và trên phạm vi cả tỉnh

+ Tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu.

+ Thông qua chính sách góp phần chuyển đổi nền nông nghiệp theo hướng chất lượng cao, mang lại giá trị gia tăng cao; tạo đột phá trong tăng trưởng nông nghiệp.

+ Giải quyết được sự chuyển dịch cơ cấu lao động hợp lý, tạo thêm ngành nghề mới, tăng năng suất lao động, tăng thu nhập cho người dân; cải thiện sức khỏe cộng đồng.

+ Thu hút phát triển mạnh đội ngũ doanh nghiệp nông nghiệp; tăng cường liên kết sản xuất nông hộ theo hướng trang trại, tổ liên kết sản xuất, hợp tác xã đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nông nghiệp hữu cơ góp phần nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp, tăng thu nhập cho hộ nông dân.

- Về Xã hội:

Đời sống người dân được nâng lên, môi trường đảm bảo, an ninh trật tự được giữ vững, nâng dần mức sống và sức khỏe của người dân.

b) Tác động tiêu cực

- Một số dự án đầu tư hướng đến xuất khẩu khả năng có rủi ro do vi phạm một số các hiệp định thương mại đã ký kết, như: Theo luật phòng vệ thương mại EU có thể áp dụng các biện pháp trừng phạt cho các mặt hàng có dấu hiệu bán phá giá và các quốc gia có sự biến dạng về thị trường do nhà nước gây ra;

- Trong điều kiện ngân sách có hạn phải cân đối thêm một khoản khá lớn trong khi các nguồn kinh phí trong giai đoạn 2016-2020 đã được cân đối.

5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Từ những tác động tích cực và tiêu cực nêu trên, giải pháp chọn lựa là nên xây dựng Nghị quyết về mức hỗ trợ lãi vay nhằm khuyến khích thúc đẩy phát triển nhanh thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2019-2025.

- Hội đồng Nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh như nội dung nêu trên.

III. LẤY Ý KIẾN

1. Phương pháp lấy ý kiến: Đăng cổng thông tin điện tử

2. Cơ quan: Các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố và các đối tượng chịu sự tác động của chính sách này.

3. Các Hội và tổ chức đoàn thể liên quan: Lấy ý kiến Hội nông dân, Hội doanh nghiệp... trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

4. Tiếp thu, tổng hợp, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, đối tượng liên quan.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

- Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách: Các Sở ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố.

- Cơ quan giám sát đánh giá việc thi hành chính sách: Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể.

V. VỐN VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Ước tổng vốn thực hiện

Năm thứ nhất ngân sách tỉnh bố trí khoảng 10 tỷ đồng để thực hiện chính sách hỗ trợ lãi vay này và từ năm thứ 2 trở về sau được sử dụng vốn từ các năm trước chuyển sang và mỗi năm được bố trí thêm khoảng 15 tỷ (*ước kinh phí hỗ trợ cả giai đoạn 2019-2025 là 100 tỷ đồng*).

2. Nguồn vốn thực hiện: Vốn sự nghiệp từ Ngân sách tỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- BGĐ Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Các Sở ngành liên quan;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, CCPTNT.

KT. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Ân

Số: 56 /BC-SNN

Tây Ninh, ngày 25 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO

Về việc giải trình các nội dung điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 27/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

VĂN PHÒNG ĐBB
VÀ UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 1638
Ngày: 16.2.19
ĐẾN
Thuyết minh: KT

Thực hiện kết luận của đồng chí Trần Văn Chiến – Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại UBND tỉnh ngày 21/02/2019 về việc cho ý kiến ban hành Nghị Quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025;

Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo như sau:

I. CÁC CĂN CỨ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

Thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Ban chỉ đạo nhóm đột phá phát triển kinh tế xã hội tỉnh;

Thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh năm 2019;

Thực hiện Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2019;

II. LÝ DO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

Cuối năm 2017, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 27/9/2017 và UBND tỉnh ban hành Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 quy định về hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2021; theo đó trong năm 2018 Sở Nông nghiệp và PTNT đã triển khai chính sách đến UBND các huyện, thành phố đồng thời lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT cùng cán bộ chuyên môn trong năm xuống trực tiếp tư vấn, hướng dẫn khoản 10 nhà đầu tư lập dự án nhưng đến cuối năm 2018 có 03 nhà đầu tư nộp hồ sơ, chính sách chưa khuyến khích được nhiều nhà đầu tư tham gia dự án do quy mô đầu tư dự án lớn, mức hỗ trợ lãi vay thấp, thời gian hỗ trợ ngắn, nhà đầu tư phải thực hiện nhiều thủ tục hành chính trước khi trình thẩm định như: Xác nhận xã, huyện, Ngân hàng thương mại cho vay về giải ngân kinh phí cho vay và đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gặp rất nhiều rủi ro. Qua nghiên cứu dự thảo chính sách hỗ trợ lãi vay mới các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ nhận thấy mức hỗ trợ cao hơn, thời gian hỗ trợ dài hơn nên đã đồng ý chờ hưởng theo chính sách mới; đồng thời có sự thay đổi một số chính sách, Chính phủ đã ban hành Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Từ những vấn đề nêu trên và bất cập trong quá trình triển khai thực hiện chính sách cần phải xây dựng chính sách hỗ trợ lãi vay mới theo hướng giảm quy mô, tăng mức hỗ trợ, tăng thời gian hỗ trợ, giảm bớt thủ tục hành chính nhằm thu hút các nhà đầu tư thực hiện các dự án với quy mô vừa và nhỏ phù hợp với tình hình thực tế địa phương, với các hình thức liên kết trong sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CHÍNH SÁCH

1. Các nội dung giữ nguyên

Giữ nguyên Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng;

Giữ nguyên Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ và điều kiện hỗ trợ (riêng khoản 2, điều 2, điểm a Điều kiện hỗ trợ bổ sung thêm “phê duyệt mức hỗ trợ lãi vay”);

Giữ nguyên điều 3. Mức trần vốn vay được hỗ trợ (riêng đối với pháp nhân bỏ mức vốn vay được hỗ trợ lãi vay không vượt quá 40 tỷ đồng/dự án đối với dự án giết mổ hiện đại (phá lốc, đông lạnh) (đã có trong Nghị định 57 nhà đầu tư được hưởng lợi cao hơn nên chính sách này không cần thiết đưa vào).

2. Các nội dung điều chỉnh, bổ sung

2.1 Điều chỉnh tên Nghị quyết: Bổ sung từ “nông nghiệp hữu cơ” và giai đoạn thực hiện điều chỉnh từ 2017-2021 thành 2019-2025, tên Nghị quyết sau khi điều chỉnh là “Nghị Quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025”

2.2 Điều chỉnh, bổ sung Điều 4. Nội dung, mức hỗ trợ

a) Thực hành nông nghiệp tốt

- Lĩnh vực trồng trọt: Bỏ cây lúa và giảm quy mô đầu tư dự án: Bỏ quy mô diện tích cánh đồng lớn (giảm xuống còn 05 ha); giá trị đầu tư giảm từ 05 tỷ đồng xuống 01 tỷ đồng;

- Lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản: Bỏ gà thịt lông màu, bổ sung bò sữa; giảm quy mô đầu tư dự án xuống khoản một nửa (bò thịt từ 300 con/năm trở lên giảm còn 150 con/năm trở lên; diện tích mặt nước giảm từ 05 ha còn 02 ha); giá trị đầu tư giảm từ 10 tỷ đồng xuống 01 tỷ đồng;

- Mức hỗ trợ lãi vay tăng từ 2%/năm lên 5%/năm; thời gian hỗ trợ tăng từ 2 năm lên 5 năm.

*** Nguyên nhân:** Không khuyến khích cây lúa, gà thịt lông màu: Do tình hình hiện nay về diện tích trồng cây lúa và chăn nuôi gà thịt lông màu đang phát triển mạnh; đồng thời đã có Đề án riêng về cây lúa và gà lông màu theo quy định, cụ thể:

+ Theo báo cáo diện tích cây lúa năm 2018 là: 143.790 ha, đến năm 2020 dự báo giảm còn là 130.000 ha và đến năm 2030 giảm còn 120.000 ha, nên chính sách này không khuyến khích phát triển cây lúa đại trà (theo đó đối với cây lúa cần giảm diện tích vì lợi nhuận trên cây lúa thấp, nơi nào có điều kiện thì phát triển cây ăn trái hình thành vùng nguyên liệu để cung cấp cho nhà máy chế biến Tanifood);

+ Chăn nuôi gà lông màu đã phát triển khá mạnh, tổng đàn gà năm 2018 là 5.600.000 con, hiện có 54 cơ sở chăn nuôi gà VietGAHP (chiếm 45% tổng đàn gà), nên không khuyến khích phát triển trong thời gian tới.

+ Bổ sung nuôi bò sữa do trên địa bàn huyện Bến Cầu hiện nay phát triển nhà máy chế biến sữa, vì vậy cần khuyến khích các hộ nông dân nhỏ tại các địa phương có điều

kiện phát triển chăn nuôi bò sữa để cung cấp nguyên liệu sữa cho nhà máy (theo Đề án chuỗi giá trị quy mô trang trại trên 20 con, quy mô gia trại từ 10-20 con, hộ gia đình dưới 10 con; hiện tại giá mỗi con bò sữa giao động từ 30 -40 triệu đồng nên việc hỗ trợ phát triển chăn nuôi bò sữa thời gian tới là phù hợp thực tiễn, từ đó đề xuất về quy mô đàn 10 con là phù hợp với tình hình các hộ chăn nuôi của địa phương.

b) Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Nhóm dự án công nghệ sinh học: Giảm quy mô đầu tư từ 05 tỷ đồng xuống 01 tỷ đồng;

- Nhóm dự án công nghệ tự động hoá: Bổ sung hỗ trợ cơ giới hoá cây ăn trái; giảm quy mô đầu tư từ 05 tỷ đồng xuống 01 tỷ đồng;

- Nhóm dự án lĩnh vực canh tác nuôi trồng:

+ Lĩnh vực trồng trọt: Bổ sung cây ăn trái; bỏ quy mô về diện tích, giảm quy mô về giá trị đầu tư từ 05 tỷ đồng xuống 01 tỷ đồng;

+ Lĩnh vực chăn nuôi và thủy sản: Bỏ heo giống, gà thịt lông màu, bổ sung bò sữa; bỏ quy mô về diện tích và số lượng, giảm quy mô đầu tư từ 10 tỷ đồng xuống 01 tỷ đồng;

- Lĩnh vực sơ chế, bảo quản và chế biến: Bỏ dự án giết mổ, ứng dụng công nghệ chiếu xạ, công nghệ mới trong bảo quản (đã có trong Nghị định 57 nhà đầu tư được hưởng lợi cao hơn); bỏ quy mô về số lượng, giảm quy mô về giá trị đầu tư từ 05 tỷ đồng xuống 01 tỷ đồng;

- Mức hỗ trợ lãi vay tăng từ 2,5%/năm lên 5%/năm; thời gian hỗ trợ tăng từ 3 năm lên 5 năm.

*** Nguyên nhân**

+ Dự thảo chính sách hỗ trợ lãi vay: Đề xuất bỏ khuyến khích hỗ trợ đầu tư đối với heo giống (ông, bà trở lên), là do tình hình hiện nay việc phát triển chăn nuôi heo theo quy mô hộ gia đình là không lớn, tập trung chủ yếu phát triển chăn nuôi heo theo quy mô trang trại thực hiện gia công cho các công ty cung cấp giống và thức ăn theo hợp đồng.

+ Dự thảo đề xuất bỏ khuyến khích hỗ trợ lãi vay đầu tư đối với cơ sở giết mổ, ứng dụng công nghệ chiếu xạ, công nghệ mới trong bảo quản, do lĩnh vực này có sự tham gia của các doanh nghiệp đầu tư, hiện nay Chính phủ có Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về hỗ trợ doanh nghiệp lĩnh vực này (Nội dung này do Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ của địa phương).

+ Bổ sung hỗ trợ lãi vay lĩnh vực cơ giới hoá đối với cây ăn trái do thời gian tới cần khuyến khích chuyển đổi cây trồng không hiệu quả sang cây ăn trái và nên khuyến khích hỗ trợ lãi vay thực hiện việc đầu tư phát triển đồng bộ cơ giới hoá cây trồng là cần thiết để phát triển sản xuất theo hướng ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao. Hiện nay lực lượng lao động ở nông thôn đang chuyển dần sang làm công nhân khu công nghiệp và dịch vụ có thu nhập ổn định, để giải quyết được tình trạng thiếu lao động ở lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn hiện nay, việc bổ sung hỗ trợ lãi vay đầu tư cơ giới hoá là cần thiết, giảm chi phí đầu tư, tăng lợi nhuận cho người sản xuất, tăng năng suất lao động ở nông thôn.

c) Nông nghiệp hữu cơ

- Lĩnh vực trồng trọt: Thay đổi dòng "Sản xuất các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ có chất lượng, an toàn và hiệu quả cao, đạt tiêu chuẩn hữu cơ, sản xuất lúa

gạo hàng hóa chất lượng cao; các loại rau, củ, quả, cây ăn trái” thành “sản xuất các nông sản nông nghiệp hữu cơ đạt tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế”; giảm quy mô diện tích từ 05 ha xuống 01 ha, giá trị đầu tư từ 05 tỷ đồng xuống 01 tỷ đồng;

- Lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản: Giữ nguyên gà thịt lông màu, bò heo giống, bổ sung bò sữa; giảm quy mô về số lượng xuống khoản 01 nửa (heo thịt giảm từ 500 con/năm còn 250 con/năm, bò thịt từ 100 con/năm trở lên còn 50 con/năm trở lên), giảm quy mô về giá trị đầu tư từ 10 tỷ đồng xuống 01 tỷ đồng;

- Mức hỗ trợ lãi vay: Tăng từ 3%/năm lên 5%/năm, thời gian hỗ trợ 5 năm.

2.3 Điều chỉnh, bổ sung Điều 5. Nguồn kinh phí

Theo Nghị quyết 26/2017/HĐND nguồn vốn thực hiện thuộc ngân sách tỉnh điều chỉnh thành nguồn vốn sự nghiệp thuộc ngân sách tỉnh và cách thức bố trí vốn thực hiện là năm thứ nhất bố trí 10 tỷ đồng, năm thứ 2 trở về sau mỗi năm bố trí 15 tỷ đồng.

2.4 Điều chỉnh khoản 1, Điều 6 tổ chức thực hiện

Theo Nghị quyết 26/2017/HĐND giao UBND tỉnh phê duyệt “các dự án đầu tư để hỗ trợ lãi vay” điều chỉnh thành giao UBND tỉnh phê duyệt “mức hỗ trợ lãi vay”.

IV. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Sở Nông nghiệp và PTNT đã có Báo cáo số 41/BC-SNN ngày 31/01/2019 về việc đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025; tuy nhiên bổ sung làm rõ thêm nội dung đề xuất tăng mức hỗ trợ lãi vay từ 2-3%/năm lên 5%/năm là phù hợp với mức hỗ trợ của Nghị quyết cũ (hỗ trợ khoản 50% lãi vay) vì mức lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại hiện nay giao động từ 9-10%/năm; đối với thời gian hỗ trợ đề xuất là 5 năm trên cơ sở tính toán lợi nhuận và thời gian thu hồi vốn của nhà đầu tư: Đầu tư dự án trồng dưa lưới ứng dụng công nghệ cao với diện tích nhà kính là 01 ha thì vốn đầu tư là khoảng 06 tỷ đồng để đầu tư các hạng mục như: Mua đất, xây dựng nhà kính, xây dựng hạ tầng sản xuất (san lấp mặt bằng, hệ thống thoát nước, hồ xử lý giá thể, nhà om giống, nhà kho...), thiết bị (hệ thống tưới nhỏ giọt, bạt lót nền, bồn chứa nước, máy bơm nước...), điện, nước (máy phát điện, hệ thống điện, giếng khoan công nghiệp), dụng cụ sản xuất (túi nilon, dây treo, máy phun xịt dinh dưỡng, xe rửa, phân trùng quế...); chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí sản xuất trong 01 năm khoảng 2,3 tỷ đồng, nguồn thu là 4,4 tỷ đồng như vậy lợi nhuận trong 01 năm là khoảng 2,1 tỷ đồng nếu tính 03 năm thì nhà đầu tư mới thu hồi vốn như vậy đề xuất hỗ trợ thời gian hỗ trợ 5 năm là phù hợp để khuyến khích nhà đầu tư dự án có lãi.

Như vậy trên cơ sở điều chỉnh chính sách theo hướng giảm quy mô, tăng mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ như trên thì dự báo trong thời gian tới khi triển khai Nghị quyết sẽ có nhiều đối tượng tham gia so với Nghị quyết cũ.

V. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO CÁC VĂN BẢN (xem Công văn số 363/SNN-CCPTNT ngày 15/02/2019 về báo cáo quá trình xây dựng chính sách)

Theo quy định của luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Sở Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách, đồng thời xây dựng dự thảo Nghị quyết, hoàn chỉnh các hồ sơ theo quy định trình Sở Tư pháp thẩm định; Sở Tư pháp thẩm định lần 01 tại báo cáo số 138/BC-STP ngày 18/01/2019 và lần 02 tại báo cáo số 217/BC-STP ngày 29/01/2019;

Trên cơ sở các báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và PTNT đã hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND tỉnh về đề nghị xây dựng Nghị quyết tại Tờ trình số 323/TTr-SNN ngày 31/01/2019.

Theo quy định Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp tục đăng dự thảo Nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và của Sở Nông nghiệp và PTNT để lấy ý kiến (lần 02) các đối tượng chịu sự tác động trong 30 ngày (từ ngày 01/02/2019 đến 02/3/2019); tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản các Sở ngành liên quan trong 10 ngày (từ ngày 12/02/2019 đến ngày 21/02/2019); hiện nay đã có 15/21 cơ quan có văn bản góp ý trong đó có 11 cơ quan thống nhất và 04 cơ quan có ý kiến, Sở đã tiếp thu các ý kiến và đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, báo cáo tổng hợp giải trình tiếp thu các ý kiến góp ý (hồ sơ kèm theo);

Dự kiến tổng hợp hồ sơ trình Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết vào ngày 22-25/02/2019 (trước thời hạn lấy ý kiến đăng cổng thông tin điện tử 10 ngày)

* Đối với dự thảo Quyết định của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã dự thảo theo hướng giảm bớt thủ tục hành chính (theo quy định trước đây thành phần hồ sơ gồm: Đơn đăng ký hỗ trợ lãi vay, xác nhận của ngân hàng về giải ngân kinh phí cho vay, xác nhận của huyện, xã; theo dự thảo quy định mới đã bỏ các xác nhận của ngân hàng, huyện, xã nhà đầu tư chỉ có đơn đăng ký hỗ trợ lãi vay kèm theo dự án là đủ hồ sơ thẩm định).

VI. ĐỀ XUẤT

1. Theo gợi ý của đồng chí Trần Văn Chiến – Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp UBND tỉnh ngày 21/02/2019, Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị các nhóm dự án thực hành nông nghiệp tốt và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao mức hỗ trợ tăng thêm 1%/năm thành 6%/năm.

2. Đề Nghị quyết được thông qua trong Quý I/2019, Sở Nông nghiệp và PTNT kính đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp rút thời gian thẩm định Nghị quyết trong thời gian sớm nhất (trước 10 ngày, khoảng từ ngày 25/02/2019 đến 05/3/2019) (theo Điều 148 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự thủ tục rút gọn) để kịp trình UBND tỉnh thông qua HĐND tỉnh, dự kiến thời gian cụ thể như sau:

- Thông qua UBND tỉnh: 01-08/3/2019;
- Thông qua Thường vụ Tỉnh uỷ, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh: 10-15/3/2019;
- Thông qua HĐND tỉnh vào cuối tháng 3/2019.

Trên đây là báo cáo của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc giải trình các nội dung điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định. /

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- BGĐ Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu: VT, CCPTNT.



Nguyễn Văn Máy

BÁO CÁO

Tổng hợp và giải trình kết quả lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025

Thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh năm 2019;

Thực hiện Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2019;

Thực hiện kết luận của đồng chí Trần Văn Chiến – Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp UBND tỉnh ngày 21/02/2019 về việc cho ý kiến ban hành Nghị Quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025;

Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến góp ý của các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đối tượng chịu sự tác động của chính sách, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo, như sau:

1. Kết quả lấy ý kiến góp ý

Tổng số 21 cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến trực tiếp về dự thảo Nghị quyết, trong đó:

- 15 cơ quan, đơn vị có văn bản trả lời: 11 cơ quan thống nhất dự thảo (Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công thương; Sở Lao động, thương binh và Xã hội; Hội Nông dân; UBND các huyện: Tân Châu, Tân Biên; Dương Minh Châu, Gò Dầu; Châu Thành và Thành phố Tây Ninh) và 04 cơ quan có ý kiến (kèm theo văn bản).

- 06 cơ quan, đơn vị chưa có văn bản trả lời: Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh (đã có ý kiến thống nhất trong lần 01); Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh Tây Ninh; UBND các huyện: Hoà Thành, Bến Cầu, Trảng Bàng (đã có ý kiến trong lần 01).

Ngoài các cơ quan nêu trên, Sở Nông nghiệp và PTNT đã lấy ý kiến các đối tượng chịu sự tác động của chính sách trên cổng thông tin điện tử tỉnh, thời gian lấy ý kiến từ ngày 01/02/2019 đến ngày 02/3/2019. Đến nay, chưa có ý kiến góp ý.

2. Tổng hợp, giải trình tiếp thu các ý kiến góp ý

TT	Cơ quan góp ý	Nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu nội dung góp ý	Lý do bổ sung, điều chỉnh
1	Sở Tài chính	Bổ sung nội dung phân tích đánh giá tác động chính sách	Tiếp thu đã bổ sung tính hiệu quả kinh tế của	

		về hiệu quả kinh tế mang lại, khả năng thu hồi vốn đầu tư của một số mô hình dự án trọng điểm	một dự án (Dự án dưa lưới, quy mô đầu tư 01 ha, với tổng mức đầu tư 6 tỷ đồng; lợi nhuận sau 01 năm đầu tư là 2 tỷ đồng; như vậy khả năng trong 03 năm sẽ thu hồi vốn đầu tư	
2	Sở Tư pháp	Hết thời gian tổ chức lấy ý kiến đề nghị cơ quan soạn thảo tiến hành tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, chỉnh sửa hoàn chỉnh dự thảo gửi Sở Tư pháp thẩm định, hồ sơ bao gồm: - Tờ trình UBND về dự thảo Nghị quyết; - Dự thảo Nghị quyết; - Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; - Tài liệu khác nếu có.	Tiếp thu	
3	Sở Tài nguyên và Môi trường	Đề nghị xem xét chỉnh sửa lại tên Nghị quyết cho thống nhất với dự thảo	Tiếp thu và đã chỉnh sửa lại Nghị quyết (Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay...)	
4	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tây Ninh	- Tại Điều 1, mục 2 đề nghị bỏ nội dung “theo Nghị định 116/2018/NĐ-CP; - Đề nghị gom điểm c, d khoản 2 chung nhau cho gọn văn bản; - Về dự thảo Quyết định của UBND tỉnh đề nghị bổ sung khoản 3 vào Điều 7, Chương III: Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng thương mại.	Tiếp thu đã bỏ trong dự thảo Nghị quyết Tiếp thu chỉnh sửa Nghị Quyết Giải trình nội dung này	Dự thảo Quyết định theo hướng giảm bớt thủ tục hành chính cho nhà đầu tư; tuy nhiên về hồ sơ thanh quyết toán để hỗ trợ lãi vay thì nhà đầu tư vẫn phải có Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng thương mại thì mới được xét hỗ trợ.

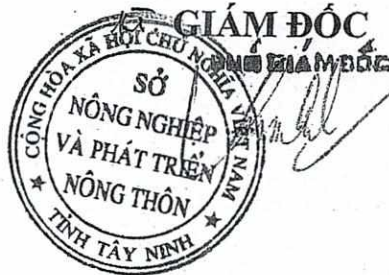
5	Ý kiến kết luận của đồng chí Trần Văn Chiến, phó Chủ tịch UBND tỉnh	- Rà soát lại các từ ngữ; - Bổ sung báo cáo giải trình nội dung điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết; - Riêng đối với các HTX cần khuyến khích hỗ trợ lãi vay để phát triển HTX góp phần hỗ trợ Đề án phát triển 15.000 HTX hoạt động có hiệu quả của Chính phủ.	Tiếp thu đã chỉnh sửa Nghị quyết, Tờ trình UBND tỉnh và đã bổ sung báo cáo. Tiếp thu đã có đề nghị trong báo cáo giải trình.	
---	--	---	--	--

(Kèm theo Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị)

Trên đây là báo cáo về kết quả lấy ý kiến và giải trình việc tiếp thu các ý kiến góp ý để bổ sung, điều chỉnh vào dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./. *Nhân*

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- BGĐ Sở;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, CCPTNT.



Nguyễn Văn Mấy



Phụ lục 01
DỰ KIẾN KINH PHÍ HỖ TRỢ LÃI VAY THỰC HÀNH NÔNG NGHIỆP TỐT, NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO GIAI ĐOẠN 2019-2025

TT	Nội dung	Quy mô (ha)	SL (dự án)	Mức trần vốn vay được tính hỗ trợ lãi vay (Tr/ đồng)	Mức hỗ trợ lãi suất vốn vay (%/năm)	Thời gian hỗ trợ lãi vay (năm)	Tổng Kinh phí hỗ trợ lãi vay giai đoạn 2019- 2025) (Tr/ đồng)	Trong đó: Giai đoạn 2019-2021 Giai đoạn 2022-2025	Kinh phí trung bình trong 1 năm	Ghi chú
I	2	3	4	5	6	7	8=9+10			
	CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ LÃI VAY	1,040	104	346,000			100,950	33,650	67,300	14,421
A	lĩnh vực trồng trọt	1,040	80	134,000			40,550	13,517	27,033	5,793
I	Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt	425	35	55,000			15,000	5,000	10,000	2,143
1	Dự án phát triển rau quả	200	20	20,000	5	5	5,000	1,667	3,333	714
2	Dự án phát triển nấm ăn, nấm dược liệu	25	5	25,000	5	5	7,500	2,500	5,000	1,071
3	Dự án phát triển cây ăn trái	200	10	10,000	5	5	2,500	833	1,667	357
II	Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	475	35	50,000			12,500	4,167	8,333	1,786
1	Dự án phát triển rau quả	50	10	5,000	5	5	1,250	417	833	179
2	Dự án phát triển nấm ăn, nấm dược liệu	25	5	25,000	5	5	6,250	2,083	4,167	893
3	Dự án phát triển cây ăn trái	400	20	20,000	5	5	5,000	1,667	3,333	714
III	Nông nghiệp hữu cơ	140	10	29,000			13,050	4,350	8,700	1,864
1	Dự án phát triển rau quả	70	5	7,000	9	5	3,150	1,050	2,100	450
2	Dự án phát triển nấm ăn, nấm dược liệu	10	2	10,000	9	5	4,500	1,500	3,000	643
3	Dự án phát triển cây ăn trái; cây lúa	60	3	12,000	9	5	5,400	1,800	3,600	771
B	lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản		20	132,000			40,400	13,467	26,933	5,771
I	Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt		6	33,000			8,250	2,750	5,500	1,179
1	Dự án chăn nuôi bò		3	30,000	5	5	7,500	2,500	5,000	1,071
2	Dự án thủy sản (nuôi cá...)		3	3,000	5	5	750	250	500	107
II	Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		8	62,000			15,500	5,167	10,333	2,214
1	Dự án sản xuất giống		3	30,000	5	5	7,500	2,500	5,000	1,071
2	Dự án chăn nuôi bò		3	30,000	5	5	7,500	2,500	5,000	1,071
4	Dự án thủy sản công nghệ cao (nuôi cá...)		2	2,000	5	5	500	167	333	71
III	Nông nghiệp hữu cơ		6	37,000			16,650	5,550	11,100	2,379
1	Dự án sản xuất giống		1	5,000	9	5	2,250	750	1,500	321
2	Dự án chăn nuôi bò		2	20,000	9	5	9,000	3,000	6,000	1,286
3	Dự án chăn gà		2	10,000	9	5	4,500	1,500	3,000	643
4	Dự án thủy sản (nuôi cá...)		1	2,000	9	5	900	300	600	129
C	lĩnh vực sơ chế, bảo quản và chế biến		4	80,000			20,000	6,667	13,333	2,857
I	Dự án chế biến các loại rau, quả		4	80,000	5	5	20,000	6,667	13,333	2,857

Phụ lục 02

**DỰ KIẾN KINH PHÍ HỖ TRỢ LÃI VAY HÀNG NĂM
THỰC HÀNH NÔNG NGHIỆP TỐT, NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO
GIAI ĐOẠN 2019-2025**

TT	Nội dung	Kinh phí bố trí hàng năm (tỷ đồng)		Ghi chú
	Tổng cộng	100		
	Năm 1	10		Số vốn vay 200 tỷ đồng
	Năm 2	15		Số vốn vay 300 tỷ đồng
	Năm 3	15		
	Năm 4	15		
	Năm 5	15		
	Năm 6	15		
	Năm 7	15		

**BẢNG SO SÁNH KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ LÃI VAY THEO QĐ 45 GIAI ĐOẠN 2017-2021
VÀ DỰ THẢO CHÍNH SÁCH MỚI GIAI ĐOẠN 2019-2025**

TT	Nội dung	Quy mô (ha)	Kinh phí hỗ trợ lãi vay giai đoạn 2017 đến 2021) (Tr/ đồng)	Kinh phí hỗ trợ lãi vay giai đoạn 2019 đến 2025) (Tr/ đồng)	Tăng, giảm (triệu đồng)	Ghi chú
I	2	3	8=9+10			
	CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ LÃI VAY	1,040	49,645	100,950	51,305	
A	lĩnh vực trồng trọt	1,040	19,225	40,550	21,325	
I	Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt	425	10,500	15,000	4,500	
1	Dự án phát triển rau quả	200	2,000	5,000	3,000	
2	Dự án phát triển nấm ăn, nấm dược liệu	25	7,500	7,500	0	
3	Dự án phát triển cây ăn trái	200	1,000	2,500	1,500	
II	Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	475	4,375	12,500	8,125	
1	Dự án phát triển rau quả	50	625	1,250	625	
2	Dự án phát triển nấm ăn, nấm dược liệu	25	1,250	6,250	5,000	
3	Dự án phát triển cây ăn trái	400	2,500	5,000	2,500	
III	Nông nghiệp hữu cơ	140	4,350	13,050	8,700	
1	Dự án phát triển rau quả	70	1,050	3,150	2,100	
2	Dự án phát triển nấm ăn, nấm dược liệu	10	1,500	4,500	3,000	
3	Dự án phát triển cây ăn trái; cây lúa	60	1,800	5,400	3,600	
B	lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản		12,420	40,400	27,980	
I	Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt		1,920	8,250	6,330	
1	Dự án chăn nuôi bò		1,200	7,500	6,300	
2	Dự án chăn nuôi gà		600	0	-600	giảm do bỏ gà
3	Dự án thủy sản (nuôi cá....)		120	750	630	
II	Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		4,950	15,500	10,550	
1	Dự án sản xuất giống		1,500	7,500	6,000	
2	Dự án chăn nuôi bò, bò sữa		2,250	7,500	5,250	
3	Dự án chăn gà		1,125	0	-1,125	giảm do bỏ gà
4	Dự án thủy sản công nghệ cao (nuôi cá....)		75	500	425	
III	Nông nghiệp hữu cơ		5,550	16,650	11,100	
1	Dự án sản xuất giống		750	2,250	1,500	
2	Dự án chăn nuôi bò, bò sữa		3,000	9,000	6,000	
3	Dự án chăn gà		1,500	4,500	3,000	
4	Dự án thủy sản (nuôi cá....)		300	900	600	
C	lĩnh vực sơ chế, bảo quản và chế biến		18,000	20,000	2,000	
1	Dự án giết mổ gia súc công nghệ cao		6,000	0	-6,000	
2	Dự án chế biến các loại rau, quả		12,000	20,000	8,000	

Phụ lục 04
CHI TIẾT ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO
(Xây lắp 10.000m² sàn nhà kính)

STT	Hạng mục	Kinh phí đầu tư	Ghi chú
1	Tài sản cố định	4.050.000.000	
	Mua đất	1.400.000.000	19.800m ² đất trồng cây lâu năm
	Xây lắp nhà kính	2.650.000.000	Xây lắp 10.000m ² sàn nhà kính
2	Xây dựng hạ tầng sản xuất	917.000.000	
	San lấp mặt bằng	60.000.000	
	Hệ thống cống thoát nước	40.000.000	
	Cống hàng rào	130.000.000	
	Hồ nước xử lý giá thể	90.000.000	
	Hồ nước ngâm giặt bọt giá thể	7.000.000	
	Hồ nước tự thấm chứa nước thải giá thể	15.000.000	
	Nhà ươm giống, nhà kho	160.000.000	
	Vườn thực nghiệm	155.000.000	
	Nhà khu vực quản lý điều hành thiết bị trung tâm	100.000.000	
	Lát gạch sân bãi	150.000.000	
	Nhà vệ sinh	10.000.000	
3	Thiết bị	626.000.000	
	Hệ thống tưới và thiết bị tưới nhỏ giọt	250.000.000	
	Bạt lót nền	170.000.000	10.000 m ² sàn
	Bộ điều khiển thiết bị tự động	25.000.000	
	Bồn chứa nước và bồn dinh dưỡng	145.000.000	
	Máy bơm nước	36.000.000	9 máy bơm
4	Điện, nước	166.400.000	
	Máy phát điện	45.000.000	
	Thiết kế hệ thống đường dây điện và đèn	21.400.000	
	Giếng khoan công nghiệp	100.000.000	4 giếng khoan
5	Dụng cụ sản xuất	240.600.000	
	Túi nilon chuyên dùng đựng giá thể	100.000.000	
	Dây treo	13.000.000	
	Máy phun xịt dinh dưỡng	30.000.000	
	Xe rửa	3.600.000	
	Xơ dừa	69.000.000	
	Phân trùng quế	25.000.000	
Tổng cộng:		6.000.000.000	

Phụ lục 05

**Dự toán thu chi sản xuất 10.000m² (01 ha) dưa lưới
(ứng dụng công nghệ cao)**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Tổng kinh phí (đồng)	Ghi chú
A	Sản xuất 1 vụ, thời gian thực hiện 3 tháng					
I	Chi phí khấu hao tài sản cố định				150.000.000	Khấu hao trong 10 năm (đầu tư tài sản cố định theo dự án khoảng 6 tỷ đồng, có phụ lục kèm theo)
II	Chi phí sản xuất				444.000.000	
1	Giống dưa lưới	hạt	2.500	38.000	95.000.000	
2	Phân bón	Kg			120.000.000	Nhiều loại
3	Dinh dưỡng- thuốc BVTV	Chai			15.000.000	Nhiều loại
4	Điện sản xuất	Kw			2.000.000	Theo kỳ hóa đơn
5	Nhân công trực tiếp	người	4.800.000	10	144.000.000	4800000X10X3tháng
6	Quản lý	người	12.000.000	1	36.000.000	12000000X1X3tháng
7	Quản lý điện nước	người	7.000.000	1	21.000.000	
8	Wifi điện thoại				300.000	
9	Bảo trì điện nước				800.000	
III	Nguồn thu				1.100.000.000	
1	Dưa lưới loại 1 (1,2 kg trở lên)	Kg	30.000	35.000	1.050.000.000	
2	Dưa lưới loại 2 (<1,2 kg)	Kg	20.000	2.500	50.000.000	
IV	Lợi nhuận				506.000.000	
B	Sản xuất 4 vụ, thời gian thực hiện 12 tháng (01 năm)					
I	Chi phí khấu hao tài sản cố định				600.000.000	
II	Chi phí sản xuất				1.776.000.000	
III	Nguồn thu				4.400.000.000	
IV	Lợi nhuận				2.024.000.000	

BIÊN BẢN HỌP

Vào lúc 09 giờ 30 phút, ngày 21/02/2019, đồng chí Trần Văn Chiến - Phó Chủ tịch UBND tỉnh - chủ trì buổi làm việc với các đơn vị liên quan để thống nhất và cho ý kiến về việc ban hành Nghị quyết hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019 – 2025.

I. Thành phần dự họp:

- | | |
|--------------------------|--|
| - Đ/c Trần Văn Chiến | - Phó Chủ tịch UBND tỉnh, chủ trì; |
| - Đ/c Tạ Văn Đáo | - Phó Giám đốc Sở NNPTNT; |
| - Đ/c Nguyễn Xuân Hiền | - Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Tây Ninh; |
| - Đ/c La Hữu Nghị | - Chủ tịch Liên minh HTX; |
| - Đ/c Trương Trúc Phương | - Phó Giám đốc Sở Tài chính; |
| - Đ/c Lý Hoàng Vũ | - Phó Giám đốc Sở Tư pháp; |
| - Đ/c Trần Anh Minh | - Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; |
| - Đ/c Nguyễn Văn Hùng | - Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; |
| - Đ/c Trần Văn Lộc | - Phó Chủ tịch UBND huyện Tân Biên; |
| - Đ/c Nguyễn Thị Thành | - Phó Chủ tịch UBND huyện Tân Châu; |
| - Đ/c Trần Thanh Mềm | - Phó Chủ tịch UBND huyện Bến Cầu; |
| - Đ/c Nguyễn Thanh Lam | - Phó Chủ tịch UBND huyện Châu Thành; |
| - Đ/c Bùi Văn Tốp | - Phó Chủ tịch UBND huyện Gò Dầu; |
| - Đ/c Nguyễn Văn Nhàn | - Chi cục trưởng Chi cục PTNT - Sở NNPTNT; |
| - Đ/c Phạm Văn Minh | - Trưởng phòng kinh tế - TP. Tây Ninh; |
| - Đ/c Trương Tấn Đạt | - TP. NNPTNT – huyện Trảng Bàng; |
| - Đ/c Nguyễn Vũ Mạnh | - Phòng NNPTNT - huyện DMC; |
| - Đ/c Huỳnh Ngọc Tấn | - Phòng NNPTNT – huyện Hòa Thành; |

II. Kết luận

Hiện nay, chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Nghị quyết số



26/2017/NQ-HĐND ngày 27/9/2017 và Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh. Tuy nhiên, do một số quy định của chính sách không còn phù hợp với tình hình thực tế như: quy mô đầu tư dự án lớn, mức hỗ trợ lãi vay thấp, thời gian hỗ trợ ngắn và đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gặp rất rủi ro; đồng thời có sự thay đổi về một số chính sách do Chính phủ đã ban hành nên qua một năm triển khai chính sách vẫn chưa thu hút các nhà đầu tư thực hiện dự án theo mục tiêu đề ra.

Từ những vấn đề nêu trên và bất cập trong quá trình triển khai thực hiện nên cần thiết xây dựng Nghị quyết hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019 – 2025 thay thế Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND.

Sau khi nghe đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình bày nội dung Nghị quyết hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019 – 2025, ý kiến thống nhất của đại diện các đơn vị liên quan tại cuộc họp, đồng chí Trần Văn Chiến - Phó Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

1. Cơ bản thống nhất với nội dung Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình. Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu ý kiến đóng góp của các đơn vị dự họp, hoàn chỉnh lại dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh và dự thảo Nghị quyết.

2. Đối với các nội dung:

a. Dự thảo Nghị quyết mới nhìn chung xây dựng theo hướng điều chỉnh quy mô dự án được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ; đồng thời bổ sung thêm một số đối tượng được hỗ trợ (dự án nuôi bò sữa) và loại bỏ một số đối tượng không khuyến khích nuôi, trồng do hiện tại số lượng nuôi trồng đã rất lớn (cây lúa, gà thịt lông màu)..... sự điều chỉnh nêu trên là cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; vì vậy, hội nghị thống nhất với các nội dung điều chỉnh.

b. Về quy định liên quan đến mức hỗ trợ lãi vay: đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, tính toán lại theo hướng có thể tách ra làm 02 khung hỗ trợ cho 02 đối tượng (pháp nhân và cá nhân); theo đó, đối tượng là pháp nhân có thể được hưởng mức hỗ trợ cao hơn so với đối tượng là cá nhân.

c. Về quy định liên quan đến thời gian hỗ trợ: thống nhất thời gian hỗ trợ lãi vay khi phát sinh lãi suất.

Ngoài ra, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu thêm ngoài chính sách được ban hành theo quy định tại Nghị định 116/2018/NĐ-CP và các quy định có liên quan của Trung ương thì tỉnh có cần ban hành thêm chính sách riêng nào không (vì theo đánh giá chính sách tỉnh đã ban hành đối tượng thụ hưởng khó tiếp cận)? Nếu có thì bổ sung nội dung vào đề trình HĐND tỉnh thông qua theo quy định.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn chỉnh lại các nội dung trên gửi lại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh chậm nhất là ngày 25/02/2019 để trình tại cuộc họp UBND theo quy định.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 11 giờ cùng ngày./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT, UBND tỉnh;
- Như thành phần họp;
- LĐVP, KTTC;
- Lưu: VT VP, UBND tỉnh.

(Dương Thảo 2019 2. BBH)

21

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH .



Trần Văn Chiến



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 48./BB-UBND

Tây Ninh, ngày 27 tháng 02 năm 2019

BIÊN BẢN

Họp Ủy ban nhân dân tỉnh thường kỳ tháng 02/2019

Vào lúc 7 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại Hội trường UBND tỉnh, đồng chí Phạm Văn Tân - Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì phiên họp UBND tỉnh tháng 02/2019.

I. Thành phần tham dự:

- Thành viên UBND tỉnh:

- | | |
|--------------------------|---------------------------------------|
| + Đ/c Phạm Văn Tân | - Chủ tịch UBND tỉnh, chủ trì |
| + Đ/c Trần Văn Chiến | - Phó Chủ tịch UBND tỉnh |
| + Đ/c Nguyễn Thị Hiếu | - Giám đốc Sở Tài nguyên và MT |
| + Đ/c Võ Đức Trọng | - Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT |
| + Đ/c Bùi Công Sơn | - Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| + Đ/c Võ Thanh Thủy | - Giám đốc Sở Lao động, TB và XH |
| + Đ/c Trương Văn Ngôn | - Giám đốc Sở Xây dựng |
| + Đ/c Hoa Công Hậu | - Giám đốc Sở Y tế |
| + Đ/c Phan Văn Sử | - Giám đốc Sở Nội vụ |
| + Đ/c Nguyễn Tấn Tài | - Giám đốc Sở Giao thông Vận tải |
| + Đ/c Phạm Thị Lan Hương | - Giám đốc Sở Khoa học Công nghệ |
| + Đ/c Trần Văn Minh Trí | - Chánh Thanh tra |
| + Đ/c Lê Thành Công | - Giám đốc Sở Công Thương |
| + Đ/c Mai Thị Lệ | - Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo |
| + Đ/c Nguyễn Hồng Thanh | - Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và DL |
| + Đ/c Trương Văn Hùng | - Chánh Văn phòng |

*** Vắng có lý do:**

- | | |
|-------------------------|--------------------------------------|
| + Đ/c Nguyễn Thanh Ngọc | - Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh |
| + Đ/c Dương Văn Thắng | - Phó Chủ tịch UBND tỉnh |

- | | |
|-------------------------|-----------------------------------|
| + Đ/c Nguyễn Tri Phương | - Giám đốc Công an tỉnh |
| + Đ/c Nguyễn Văn Đức | - Giám đốc Sở Tài chính |
| + Đ/c Trang Văn Lý | - Giám đốc Sở Ngoại vụ |
| + Đ/c Nguyễn Văn Trứ | - Chỉ huy trưởng BCH quân sự tỉnh |

- HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh:

- | | |
|--------------------------|---------------------------------|
| + Đ/c Nguyễn Thanh Phong | - Phó Chủ tịch HĐND tỉnh |
| + Đ/c Lê Anh Tuấn | - Trưởng Ban Kinh tế Ngân sách |
| + Đ/c Phạm Văn Đăng | - Phó Trưởng ban Pháp chế |
| + Đ/c Kim Thị Hạnh | - Phó Trưởng ban Văn hóa Xã hội |

- UBMTTQ VN tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội:

- | | |
|-------------------------|-------------------------------------|
| + Đ/c Đặng Minh Lũy | - Phó Chủ tịch UBMTTQ VN tỉnh |
| + Đ/c Trần Lê Duy | - Bí thư Tỉnh đoàn |
| + Đ/c Phạm Văn Hoàng | - Phó Chủ tịch Hội Nông dân |
| + Đ/c Võ Thị Bạch Tuyết | - Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ |
| + Đ/c Nguyễn Văn Vân | - Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh |

- Các sở, ngành tỉnh:

- | | |
|--------------------------|--------------------------------------|
| + Đ/c Nguyễn Xuân Hiền | - Giám đốc Ngân hàng Nhà nước |
| + Đ/c Võ Xuân Biên | - Phó Giám đốc Sở Tư pháp |
| + Đ/c Nguyễn Thành Nhân | - Phó Giám đốc Sở Ngoại vụ |
| + Đ/c Trương Trúc Phương | - Phó Giám đốc Sở Tài chính |
| + Đ/c La Hữu Nghị | - Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh |
| + Đ/c Văn Tiến Dũng | - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và MT |
| + Đ/c Nguyễn Hiệp Sơn | - Phó Giám đốc Công an tỉnh |

- UBND các huyện, thành phố:

- | | |
|------------------------------|------------------------------------|
| + Đ/c Tạ Châu Lâm | - Chủ tịch UBND huyện Tân Châu |
| + Đ/c Phạm Trung Chánh | - Chủ tịch UBND thành phố |
| + Đ/c Nguyễn Nam Hưng | - Chủ tịch UBND huyện Hòa Thành |
| + Đ/c Trần Văn To | - Chủ tịch UBND huyện DMC |
| + Đ/c Trương Thị Phương Thảo | - Chủ tịch UBND huyện Bến Cầu |
| + Đ/c Đặng Thanh Hải | - Chủ tịch UBND huyện Châu Thành |
| + Đ/c Bùi Văn Tốp | - Phó Chủ tịch UBND huyện Gò Dầu |
| + Đ/c Võ Hồng Sang | - Phó Chủ tịch UBND huyện Tân Biên |

+Đ/c Trần Nguyễn Thùy Linh - CVP UBND huyện Trảng Bàng

- Văn phòng UBND tỉnh:

+ Đ/c Đoàn Minh Long - Phó Chánh Văn phòng

+ Các chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Văn phòng Tỉnh uỷ và Văn phòng HĐND tỉnh.

II. Nội dung phiên họp:

1. Cho ý kiến về các nội dung do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình

1.1. Tờ trình về ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025

1.2. Tờ trình về việc hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025.

2. Cho ý kiến về các nội dung do Sở Tài nguyên và Môi trường trình

2.1. Tờ trình đề nghị phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của 09 huyện, thành phố

2.2. Tờ trình về ban hành Quyết định quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh

3. Cho ý kiến về các nội dung do Sở Nội vụ trình

3.1. Tờ trình về việc giao chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đối với các Sở, Ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh năm 2019

3.2. Tờ trình về việc định biên số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019

4. Ban hành Tiểu dự án “Trang bị phương tiện phục vụ công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông cho lực lượng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2020”. (*Công an tỉnh trình*)

5. Tờ trình về ban hành Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (*Sở Tài chính trình*)

III. Kết luận:

1. Các nội dung do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình

1.1. Tờ trình về ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025

Sau khi nghe đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình bày Tờ trình số 431/TTr-SNN ngày 25/02/2019 về ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng

dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025, ý kiến của lãnh đạo UBND các huyện, thành phố, các Sở, ngành và thành viên UBND tỉnh, đồng chí Phạm Văn Tân - Chủ tịch UBND tỉnh kết luận các nội dung được thống nhất như sau:

UBND tỉnh thống nhất với dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh lưu ý thẩm định của Sở Tư pháp, hoàn chỉnh nội dung, thể thức; tham mưu Ban cán sự đảng UBND tỉnh xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đồng thời gửi HĐND tỉnh để thẩm tra theo quy định.

1.2. Tờ trình về việc hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025

Sau khi nghe đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình bày Tờ trình số 415/TTr-SNN ngày 21/02/2019 về việc hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025, ý kiến thống nhất của lãnh đạo UBND các huyện, thành phố, các Sở, ngành và thành viên UBND tỉnh, đồng chí Phạm Văn Tân - Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

UBND tỉnh thống nhất với dự thảo Nghị quyết về hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025, giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh hoàn chỉnh nội dung; tham mưu Ban cán sự đảng UBND tỉnh xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đồng thời gửi HĐND tỉnh để thẩm tra theo quy định.

2. Các nội dung do Sở Tài nguyên và Môi trường trình

2.1. Tờ trình đề nghị phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của 09 huyện, thành phố

Sau khi nghe đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường trình bày Tờ trình số 969/TTr-STNMT ngày 26/02/2019 về đề nghị phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của 09 huyện, thành phố, ý kiến của lãnh đạo UBND các huyện, thành phố, các Sở, ngành và thành viên UBND tỉnh, đồng chí Phạm Văn Tân - Chủ tịch UBND tỉnh kết luận các nội dung được thống nhất như sau:

- Cơ bản thống nhất với Tờ trình số 969/TTr-STNMT ngày 26/02/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường, giao Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp thu các ý kiến để hoàn chỉnh các Quyết định phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của 09 huyện, thành phố. Cụ thể:

+ Huyện Châu Thành: Thống nhất phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 theo Tờ trình số 679/TTr-STNMT ngày 31/01/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ Huyện Dương Minh Châu: Thống nhất phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 theo Tờ trình số 693/TTr-STNMT ngày 01/02/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Đối với 11 dự án, công trình, UBND huyện Dương Minh Châu đề nghị bổ sung nhưng do chưa đủ cơ sở pháp lý nên thống nhất chưa bổ sung vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện.

+ Huyện Tân Châu: Thống nhất phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 theo Tờ trình số 700/TTr-STNMT ngày 01/02/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ Huyện Hòa Thành: Thống nhất phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 theo Tờ trình số 701/TTr-STNMT ngày 01/02/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, giao Chủ tịch UBND huyện Hòa Thành phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường điều chỉnh về số liệu đất nghĩa trang cho phù hợp.

+ Huyện Trảng Bàng: Thống nhất phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 theo Tờ trình số 702/TTr-STNMT ngày 01/02/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ Huyện Tân Biên: Thống nhất phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 theo Tờ trình số 703/TTr-STNMT ngày 01/02/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ Huyện Gò Dầu: Thống nhất phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 theo Tờ trình số 707/TTr-STNMT ngày 01/02/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chưa bổ sung vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện do chưa đủ cơ sở pháp lý các dự án sau: Dự án Khu công nghiệp Hiệp Thạnh, diện tích 250ha, chuyển vị trí từ ấp Chánh về ấp Đá Hàng và ấp Giữa chưa có chủ trương của UBND tỉnh; khu Thương mại – Dịch vụ - Đô thị (khu công nghiệp) tại xã Hiệp Thạnh, diện tích 122 ha chưa có trong Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tỉnh Tây Ninh được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 10/5/2018; Dự án Trạm trung chuyển rác xã Thanh Phước diện tích 1,27ha chưa có chủ trương đầu tư của UBND tỉnh.

+ Thành phố Tây Ninh: Cơ bản thống nhất với Tờ trình số 947/TTr-STNMT ngày 25/02/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường, tuy nhiên đối với các dự án Khu đô thị mới của Tập đoàn VinGroup, SunGroup, FLC..., Khu du lịch Quốc gia Núi Bà Đen, nếu đủ cơ sở pháp lý thì bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của Thành phố. Giao Chủ tịch UBND Thành phố Tây Ninh phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, thống nhất nội dung này.

+ Huyện Bến Cầu: Thống nhất phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 theo Tờ trình số 948/TTr-STNMT ngày 25/02/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Không đưa các dự án tạo quỹ đất để bồi thường giải phóng mặt bằng bằng đất vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của các huyện, thành phố.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp các đơn vị, địa phương chậm nhất cuối Quý I/2019 triển khai việc thực hiện các bước theo quy định để xây dựng Bảng giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh từ năm 2020 đến 2024.

- Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, HĐND các huyện, thành phố cần đặc biệt quan tâm công tác quản lý nhà nước về đất đai.

- Về thời gian trình Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của các huyện, thành phố đến nay đã chậm so với quy định (theo quy định phải trình UBND tỉnh phê duyệt ngay đầu Quý I hàng năm). Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh hoàn chỉnh các Quyết định, đảm bảo trình tự, thủ tục và các hồ sơ có liên quan, trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của các huyện, thành phố **chậm nhất vào ngày 05/3/2019.**

2.2. Tờ trình về ban hành Quyết định quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh

Sau khi nghe đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường trình bày Tờ trình số 759/TTr-STNMT ngày 14/02/2019 về ban hành Quyết định quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh, ý kiến của lãnh đạo UBND các huyện, thành phố, các Sở, ngành và thành viên UBND tỉnh, đồng chí Phạm Văn Tân - Chủ tịch UBND tỉnh kết luận các nội dung được thống nhất như sau:

UBND tỉnh đánh giá cao sự nỗ lực của Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành, địa phương trong việc nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, đây là nội dung phức tạp, chịu tác động trực tiếp đến người dân, do đó để quy định được chặt chẽ, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và Sở Tư pháp tiếp thu các ý kiến, trong đó lưu ý các nội dung quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 và nội dung tại Điều 4 quy định về diện tích tối thiểu, kích thước, điều kiện cụ thể tách thửa đối với loại đất ở nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi hoàn chỉnh dự thảo Quyết định, tiếp tục lấy ý kiến nhân dân qua cổng Thông tin điện tử và gửi văn bản lấy ý kiến của UBND các huyện, thành phố. Riêng đối với nội dung tại Điều 11 quy định về điều khoản chuyển tiếp, gửi lấy ý kiến góp ý theo 02 Phương án:

+ Phương án 01: như dự thảo Quyết định.

+ Phương án 02: theo ý kiến của Sở Xây dựng.

Thực hiện đăng cổng thông tin điện tử vào tháng 3/2019 để kịp thời hoàn chỉnh, báo cáo UBND tỉnh chậm nhất vào ngày 05/4/2019. UBND tỉnh giao lại Chủ tịch, các Phó Chủ tịch xem xét, cho ý kiến đối với nội dung này.

3. Cho ý kiến về các nội dung do Sở Nội vụ trình

3.1. Tờ trình về việc giao chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đối với các Sở, Ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh năm 2019

Sau khi nghe đại diện Sở Nội vụ trình bày Tờ trình số 86/TTr-SNV ngày 14/02/2019 về giao chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đối với các Sở, Ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh năm 2019, ý kiến của lãnh đạo UBND các huyện, thành phố, các Sở, ngành và thành viên UBND tỉnh, đồng chí Phạm Văn Tân - Chủ tịch UBND tỉnh kết luận các nội dung được thống nhất như sau:

Cơ bản thống nhất với nội dung Tờ trình và dự thảo Quyết định giao chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đối với các Sở, Ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh năm 2019 do Sở Nội vụ trình, giao Sở Nội vụ tiếp thu các ý kiến góp ý, hoàn chỉnh nội dung, trình UBND tỉnh ký ban hành theo quy định.

3.2. Tờ trình về việc định biên số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019

Sau khi nghe đại diện Sở Nội vụ trình bày Tờ trình số 98/TTr-SNV ngày 15/02/2019 về định biên số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019, ý kiến của lãnh đạo UBND các huyện, thành phố, các Sở, ngành và thành viên UBND tỉnh, đồng chí Phạm Văn Tân - Chủ tịch UBND tỉnh kết luận các nội dung được thống nhất như sau:

Cơ bản thống nhất với nội dung Tờ trình và dự thảo Quyết định về định biên số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019 cho các đơn vị trên địa bàn tỉnh do Sở Nội vụ trình, giao Sở Nội vụ tiếp thu các ý kiến góp ý, hoàn chỉnh nội dung, trình UBND tỉnh ký ban hành theo quy định.

4. Ban hành Tiểu dự án “Trang bị phương tiện phục vụ công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông cho lực lượng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2020”.

Sau khi nghe đại diện Công an tỉnh và Sở Tài chính trình bày nội dung ban hành Tiểu dự án “Trang bị phương tiện phục vụ công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông cho lực lượng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2020”, ý kiến của lãnh đạo UBND các huyện, thành phố, các Sở, ngành và thành viên UBND tỉnh, đồng chí Phạm Văn Tân - Chủ tịch UBND tỉnh kết luận các nội dung được thống nhất như sau:

UBND tỉnh thống nhất về chủ trương trang bị phương tiện phục vụ công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm bảo đảm trật tự an toàn giao thông cho lực lượng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2020. Tuy nhiên, để đảm bảo tính chặt chẽ đề nghị Công an tỉnh thực hiện một số nội dung sau:

- Cần làm rõ trong Tờ trình về tên gọi, sự cần thiết về việc ban hành tiêu dự án; rà soát, điều chỉnh các số liệu, chủng loại xe... đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế (số liệu tính đến ngày 31/12/2018).

- Về nguồn kinh phí: giao Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính nêu rõ nguồn kinh phí thực hiện tiêu dự án. Bên cạnh đó, để giảm bớt gánh nặng cho ngân sách địa phương, đề nghị Công an tỉnh nghiên cứu việc xin Bộ Công an hỗ trợ thêm kinh phí từ ngân sách Trung ương. Đồng thời, hoàn chỉnh nội dung, tham mưu Ban cán sự Đảng UBND tỉnh Tờ trình xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy (lưu ý: Tờ trình chỉ nêu ngắn gọn những nội dung chính).

5. Tờ trình về ban hành Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Sau khi nghe đại diện Sở Tài chính trình bày Tờ trình số 24/TTr-STC ngày 12/02/2019 về ban hành Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh, ý kiến thống nhất của lãnh đạo UBND các huyện, thành phố, các Sở, ngành và thành viên UBND tỉnh, đồng chí Phạm Văn Tân - Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

UBND tỉnh thống nhất với dự thảo Quyết định ban hành Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh, giao Sở Tài chính phối hợp các đơn vị có liên quan rà soát dự thảo Quyết định cho chặt chẽ, trình UBND tỉnh ký ban hành theo quy định.

Phiên họp kết thúc vào lúc 16 giờ 40 phút cùng ngày./.

Bộ phận tổng hợp



Phạm Thị Thanh Hương

Nơi nhận:

- Thành viên UBND tỉnh;
- LĐVP, các phòng, trung tâm thuộc VP;
- Lưu: VT.VPUBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Chiến